

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2024 là năm bứt phá, tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2022 - 2027. Đây cũng là năm cả nước nói chung, Hội CCB Việt Nam nói riêng có nhiều hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn của Đảng, Nhà nước, Quân đội và CCB Việt Nam.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thường trực Trung ương Hội, Ban Tuyên giáo Hội CCB Việt Nam biên soạn và phát hành *Sổ tay tuyên truyền: Đảng quang vinh, Bác Hồ vĩ đại, Quân đội anh hùng, CCB “Trung thành – Đoàn kết - Gương mẫu – Đổi mới”* tới Hội CCB các cấp và cán bộ, hội viên, nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; truyền thống của Đảng, Nhà nước, Quân đội nhân dân Việt Nam, Hội CCB Việt Nam; tăng cường niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” của cán bộ, hội viên trong thực hiện công tác Hội, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện, xứng đáng là lực lượng chính trị nòng cốt, cầu nối vững chắc giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Cuốn Sổ tay tuyên truyền cung cấp tới bạn đọc những nội dung cơ bản nhất về quá trình hình thành, phát triển, cũng như chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ; về thân thế, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh; những thành tựu của nhân dân ta, dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; về sự ra đời, chiến đấu, chiến thắng, truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam và Hội CCB Việt Nam. Cuốn Sổ tay tuyên truyền được tổ chức biên soạn nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, nhưng khó tránh khỏi những hạn chế, Ban Tuyên giáo rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí.

Trân trọng giới thiệu!

BAN TUYÊN GIÁO HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Phần thứ nhất

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC VÀ LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI LÀ BƯỚC NGOẶT TO LỚN TRONG LỊCH SỬ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

1. Bối cảnh lịch sử

1.1. Bối cảnh quốc tế

Từ cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc; đời sống nhân dân lao động trên thế giới trở nên cùng cực. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa thực dân ngày càng gay gắt; phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ.

1.2. Bối cảnh trong nước

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta thành “một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác”. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam lúc này là giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và phong kiến và giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp. Các cuộc khởi nghĩa và phong trào đấu tranh của nhân dân chống thực dân Pháp diễn ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại. Việt Nam khủng hoảng sâu sắc về đường lối cách mạng.

2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị thành lập Đảng

Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) ra đi tìm đường cứu nước, với khát vọng giành độc lập tự do cho dân, cho nước. Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của VI. Lênin đăng trên báo Nhân đạo (Pháp) và đã giải đáp cho Người về con đường đấu tranh giành độc lập, tự do thực sự cho dân tộc, cho đồng bào. Từ năm 1921 - 1930, Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, hay còn gọi là Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (1925); tổ chức nhiều lớp đào tạo cán bộ tại Quảng Châu, Trung Quốc; gửi cán bộ đi học tại trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) - Những bước chuẩn bị về tổ chức và cán bộ cho Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 06/01 đến ngày 07/02/1930, Nguyễn Ái Quốc chủ trì và thay mặt Quốc tế Cộng sản tổ chức Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở bán đảo Cửu Long, Hồng Kông (Trung Quốc). Hội nghị nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và đề ra Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt,... lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện khát vọng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (CNXH)..

3. Ý nghĩa về sự ra đời Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với đường lối đúng đắn đã mở ra thời kì mới cho cách mạng Việt Nam - thời kì đấu tranh giành độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết, thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc. Đây là bước ngoặt của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

II. NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG

1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)

Sau khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền với 03 cao trào cách mạng có ý nghĩa to lớn đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Cao trào cách mạng 1930 – 1931, đỉnh cao là phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Quần chúng cách mạng đã vùng dậy trừng trị bọn cường hào, phản động, tay sai thực dân Pháp, thành lập chính quyền ở một số nơi theo hình thức Xô Viết; khẳng định đường lối cách mạng Việt Nam do Đảng đề ra là đúng đắn và để lại những bài học quý báu về xây dựng Liên minh Công – Nông; Mặt trận Dân tộc Thống nhất; phát động phong trào quần chúng đấu tranh giành và bảo vệ chính quyền.

- Cao trào cách mạng đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939): Nhân dân đã đoàn kết đấu tranh buộc thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ; quần chúng được giác ngộ, tập hợp và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu của cách mạng; Đảng đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm trong tổ chức, lãnh đạo quần chúng.

- Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945): Các tầng lớp nhân dân đã đoàn kết, chiến đấu ngoan cường kết thúc thắng lợi bằng cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, phá tan sự thống trị của thực dân gần một trăm năm và lật đổ chế độ phong kiến tối tăm tay sai. Đây là bước ngoặt vĩ đại, đưa dân tộc Việt Nam bước sang kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.

Ngày 02/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam) - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Thời đại mới của dân tộc Việt Nam ra đời - thời đại Hồ Chí Minh.

2. Đảng lãnh đạo Nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)

2.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng; toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (1945 - 1954)

Từ năm 1945 - 1946, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền nhân dân; bầu cử Quốc hội (06/01/1946), xây dựng và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên (09/11/1946); chăm lo xây dựng chế độ, đời sống mới của nhân dân, chống giặc đói, giặc dốt; tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ và Nam Trung bộ.

Tháng 12/1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. Bằng đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân lần lượt đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp, đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc Chính phủ Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta.

2.2. Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc (1954 - 1975)

Miền Bắc hoàn toàn giải phóng, nhân dân ta bắt tay vào xây dựng, khôi phục kinh tế - văn hóa, xây dựng CNXH. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ, hất chân thực dân Pháp, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Đảng ta lãnh đạo nhân dân tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Với đường lối chiến tranh nhân dân, tranh thủ sự giúp đỡ to lớn của các nước XHCN và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giành nhiều thắng lợi vẻ vang, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc. Đồng thời, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế - xã hội đưa miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH.

3. Thời kỳ tiến hành cách mạng XHCN trên cả nước, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước từ năm 1975 đến nay

3.1. Từ năm 1975 đến năm 1986

Đảng ta lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất và tiến hành hai cuộc chiến tranh chống xâm lược biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và đã đạt thành tựu to lớn. Đầu thập kỷ 80, thế kỷ XX, đất nước lâm vào sự trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội, đứng trước những thách thức, khó khăn ngặt nghèo, Đảng ta đã tổng kết thực tiễn, tìm tòi, hoạch định đường lối đổi mới toàn diện đất nước.

3.2. Từ năm 1986 đến nay

- Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN ở nước ta.

- Đại hội VII của Đảng (tháng 6/1991) khẳng định tiếp tục đường lối đổi mới; thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH;

khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Các nghị quyết của Đảng từ Đại hội VIII đến nay tiếp tục khẳng định sự kiên định, kiên trì thực hiện và không ngừng bổ sung, phát triển hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới. Đồng thời, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện Hiến pháp, hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, phù hợp cho quá trình đổi mới; cụ thể hóa thành các cơ chế, chính sách và giải pháp quản lý, quản trị phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Đến nay, với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. *“Đất nước ta chưa bao giờ có cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”*. Chính trị - xã hội ổn định; tiềm lực, sức mạnh kinh tế được nâng lên; quốc phòng, an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Việt Nam đã là nước có nền kinh tế phát triển, có thu nhập trung bình; có quan hệ với 193 quốc gia và vùng lãnh thổ (có 03 nước quan hệ đặc biệt; 06 nước quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, 12 nước quan hệ đối tác chiến lược và 13 nước quan hệ đối tác toàn diện). Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị vững mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang đạt kết quả tích cực.

Đại hội lần thứ I (1935) Đảng ta mới có khoảng 500 đảng viên, nhưng đến ngày 31/12/2022, Đảng ta đã có hơn 5,3 triệu đảng viên, sinh hoạt tại gần 52 nghìn tổ chức cơ sở Đảng, độ tuổi trung bình là 45,2. Đa số cán bộ, đảng viên và Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào thành công của công cuộc đổi mới, ra sức thực hiện khát vọng độc lập dân tộc và CNXH.

4. Những bài học kinh nghiệm của Đảng

Một là, Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH; CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ.

Hai là, Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, chế độ XHCN.

Ba là, Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân: Đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế - Truyền thống quý báu, nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, phải luôn kiên định ý chí

độc lập, tự chủ, nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực; tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại.

Năm là, Sự lãnh đạo của Đảng quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài phụng sự Tổ quốc, nhân dân; luôn nắm vững, vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan.

III. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG VẺ VANG, XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, ĐẤT NƯỚC GIÀU ĐẸP, VĂN MINH

Truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp của Đảng:

- Trung thành vô hạn với lợi ích của dân tộc và giai cấp, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH trên cơ sở chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đi theo con đường cách mạng mà Đảng ta và Bác Hồ đã lựa chọn, cách mạng Việt Nam mới giành được thắng lợi trọn vẹn, đất nước mới thật sự được độc lập; dân tộc mới thật sự được tự do; nhân dân ta mới có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

- Giữ vững độc lập, tự chủ về đường lối; nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đề ra đường lối đúng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cách mạng. Đảng ta luôn thấm nhuần quan điểm: chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo; xuất phát từ thực tiễn Việt Nam để xác định phương hướng, nhiệm vụ, phương pháp của cách mạng.

- Gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân, luôn lấy phục vụ nhân dân làm lẽ sống và mục tiêu phấn đấu. Nhân dân ta đã nuôi dưỡng và bảo vệ, hết lòng tin yêu, ủng hộ và ra sức phấn đấu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Sức mạnh vô tận của nhân dân làm nên sức mạnh vô địch của Đảng; nguồn gốc sức mạnh của Đảng là sự gắn bó máu thịt với nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

- Đoàn kết thống nhất, có tổ chức và kỷ luật chặt chẽ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình, phê bình và tình thương yêu đồng chí. Đây là truyền thống, là nguyên tắc tổ chức, tình cảm của những người cộng sản chân chính.

- Đoàn kết quốc tế thủy chung, trong sáng dựa trên những nguyên tắc và mục tiêu cao cả. Đây là cơ sở vững chắc để Đảng ta hình thành và thực hiện thành công đường lối đối ngoại đúng đắn, phát huy sự kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh.

Phần thứ hai

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG SÁNG NGỜI, LÃNH TỤ THIÊN TÀI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

1. Thuở thiếu thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi ra đi tìm đường cứu nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, lớn lên đi học lấy tên là Nguyễn Tất Thành, hoạt động cách mạng lấy tên là Nguyễn Ái Quốc) sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình nhà nho yêu nước, tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Thân phụ là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan.

Từ lúc sinh ra đến 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung sống trong sự chăm sóc đầy tình thương yêu của gia đình. Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo gia đình vào sống ở Huế. Đầu năm 1901, sau khi thân mẫu qua đời, Người theo cha trở về Nghệ An, rồi lấy tên là Nguyễn Tất Thành, tích cực học chữ Hán và còn theo cha đi một số nơi, học thêm nhiều điều. Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, thời gian đầu học trường Pháp - Việt, sau học trường Quốc học Huế. Tháng 6/1909, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Bình Định và tháng 8/1910 vào Phan Thiết, Bình Thuận làm giáo viên trường Dục Thanh. Tháng 02/1911, Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn.

2. Tóm tắt quá trình hoạt động cách mạng

Giai đoạn 1911 - 1920:

Ngày 05/6/1911, Nguyễn Tất Thành lên tàu Amiran Latusơ Torêvin rời cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) đi Pháp. Từ năm 1912 -1917, Người đi qua một số nước châu Phi, châu Mỹ. Đầu năm 1919, Người tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6/1919 thay mặt Hội những người yêu nước Việt Nam tại Pháp, Người gửi bản yêu sách gồm 08 điểm (ký tên Nguyễn Ái Quốc) tới Hội nghị các nước đế quốc họp ở Véc-xây (Pháp), đòi chính phủ các nước dự Hội nghị thừa nhận quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Tháng 12/1920, Người tham gia Đại hội Đảng Xã hội Pháp và bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

Giai đoạn 1921 - 1930:

Từ 1921 đến 6/1923, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, dự Đại hội lần thứ I, Đại hội II của Đảng Cộng sản Pháp, Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ (Le Paria), sau đó rời Pháp đến Đức và đến Xanh-pê-téc-bua (Liên Xô). Từ 7/1923 đến 10/1924, Người hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế: Quốc tế Nông dân; dự Đại hội II Quốc tế Công hội đỏ, Đại hội Quốc tế Cộng sản Thanh niên; viết báo tuyên truyền cách mạng, hoàn thành tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp; dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản và là cán bộ Ban phương Đông Quốc tế Cộng sản. Tháng 11/1924, Người rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tháng 6/1925, Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên (Việt Nam thanh niên cách mạng hội), mở các lớp huấn luyện cán bộ, thành lập Báo Thanh niên (21/6/1925) truyền bá chủ nghĩa Mác -

Lênin về Việt Nam, chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các bài giảng của Người được tập hợp và in thành sách Đường Cách mệnh, xuất bản 1927. Tháng 7/1928, Người tới Xiêm (Thái Lan), rồi trở lại Trung Quốc. Từ 06/01 đến 07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), Người chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giai đoạn 1930 - 1945:

Tháng 6/1931, Người bị nhà cầm quyền Anh bắt giam ở Hồng Kông rồi được trả tự do vào cuối 1932, sau đó đến Liên Xô học tại trường Quốc tế Lênin. Tháng 10/1938, Người đến Diên An (Trung Quốc) làm việc tại Bộ Chỉ huy Bát lộ quân, chuẩn bị về nước chỉ đạo cách mạng Việt Nam.

Ngày 28/01/1941, Người về nước tại cột mốc 108 thuộc xã Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng. Từ ngày 10 đến 19/5/1941, Người chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng tại Khuổi Nặm (Pắc Bó, Cao Bằng). Hội nghị xác định đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc; chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Minh, báo Việt Nam Độc lập; tổ chức lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa. Tháng 8/1942, Người lấy tên là Hồ Chí Minh và đại diện cho Mặt trận Việt Minh sang Trung Quốc liên lạc với Đồng minh. Hồ Chí Minh bị chính quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giam trong các nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong lúc bị giam giữ, Người viết Nhật ký trong tù. Tháng 9/1944, Hồ Chí Minh trở về căn cứ Cao Bằng, chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12/1944). Tháng 5/1945, Người từ Cao Bằng về Tân Trào (Tuyên Quang). Tại đây theo đề nghị của Người, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội Quốc dân họp quyết định Tổng khởi nghĩa. Đại hội Quốc dân bầu ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Tháng 8/1945, Người cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi. Ngày 02/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình, Người đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Giai đoạn 1945 - 1954:

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, đối phó với thù trong, giặc ngoài, tổ chức tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội và thông qua Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Pháp, đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, đưa miền Bắc đi lên xây dựng CNXH.

Giai đoạn 1954 - 1969:

Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra đường lối đúng đắn, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và công cuộc cải tạo, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thắng lợi; đặt nền móng và vun đắp

tình hữu nghị giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên thế giới, giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với các Đảng Cộng sản và phong trào công nhân quốc tế.

II. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Tuyệt đối trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc gắn với CNXH

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, đất nước vẫn đứng trước những khó khăn thách thức to lớn. Các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình”, với những chiêu thức, thủ đoạn tinh vi chống phá Đảng, Nhà nước. Vì vậy, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân kiên định, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH; tuyệt đối trung thành, nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nội dung, giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH. Từ đó, vận dụng sáng tạo, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

Đảng ta là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Xây dựng Đảng ta thật sự Đạo đức, văn minh, có trí tuệ, bản lĩnh, phương pháp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quyết định đến mọi sự thắng lợi của cách mạng, của dân tộc Việt Nam. Đảng ta khẳng định, tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần tích cực, kiên quyết, mạnh mẽ, nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, củng cố sự kiên định về mục tiêu, lý tưởng cách mạng; củng cố tổ chức; tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng,... là vấn đề sống còn của Đảng và chế độ ta.

3. Phát huy ý chí, khát vọng, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững đất nước

Đảng, Nhà nước, cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp cần quan tâm, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, khát vọng phát triển và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thu hút trọng dụng nhân tài; đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học – công nghệ; quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; tăng cường quốc phòng, an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Thực hiện tốt Kết luận số 01-KL/TW, của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nhiệm kỳ 2020-2025.

Đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tác dụng của phong trào thi đua yêu nước; kịp thời lựa chọn, phát hiện, bồi dưỡng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, thiết thực ở địa bàn cơ sở; gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới,... là việc làm thường xuyên, cấp thiết của tổ chức Đảng, cấp uỷ, chính quyền và đoàn thể. Qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phần thứ ba

NHỮNG THÀNH TỰU CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

I. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - SỰ KIẾN VĨ ĐẠI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Khái lược bối cảnh lịch sử và diễn biến

Ngày 09/5/1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện Liên Xô và Đồng minh, chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc ở châu Âu. Ngày 14/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ Hai kết thúc. Quân đội Anh và Tưởng sẽ vào Đông Dương để giải giáp quân đội Nhật. Thực dân Pháp lăm le khôi phục địa vị thống trị ở Đông Dương. Đế quốc Mỹ sẵn sàng can thiệp vào Đông Dương; những phần tử phản động trong chính quyền tay sai Nhật âm mưu thay thầy đổi chủ, chống lại cách mạng.

Ở trong nước, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chính, hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng của Đảng ta quyết định phát động cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Tháng 3/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”; Tháng 4/1945, triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam (Chính phủ Lâm thời cách mạng Việt Nam).

Từ tháng 4/1945, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ. Đầu tháng 5/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo cách mạng cả nước và chuẩn bị Đại hội quốc dân. Ngày 04/6/1945, Khu giải phóng Việt Bắc được thành lập. Tháng 8/1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương; đề ra ba nguyên tắc bảo đảm Tổng khởi nghĩa thắng lợi, là: Tập trung,

thống nhất, kịp thời. Vào lúc 23 giờ, ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa ra Quân lệnh số 1 hiệu triệu toàn dân Tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8/1945, Đại hội Quốc dân họp tại Tân trào thông qua: “10 chính sách lớn của Việt Minh”; “Lệnh Tổng khởi nghĩa”; quy định Quốc kỳ, Quốc ca; thành lập Chính phủ Lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Người đã gửi thư kêu gọi nhân dân cả nước, nêu rõ: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Trong vòng 15 ngày, đến cuối tháng 8/1945, Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền cả nước về tay nhân dân. Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

2. Nguyên nhân thắng lợi

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quyết định là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, với phương pháp, chiến lược, chiến thuật phù hợp, linh hoạt; xây dựng, chủ động đón thời cơ, kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường, một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc.

3. Ý nghĩa lịch sử

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến ở Việt Nam; kết thúc hơn 80 năm nhân dân ta dưới ách đô hộ của thực dân, phát xít. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cầm quyền. Từ đây, Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam; thắng lợi của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng ta gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; là thành công đầu tiên của chủ nghĩa Mác-Lênin tại một nước thuộc địa ở châu Á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước bị chủ nghĩa đế quốc thực dân áp bức, thống trị. Khẳng định rằng, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mất xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên con đường chủ nghĩa xã hội.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, Đảng ta là đảng tiên phong thật sự cách mạng, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, có phương pháp và hình thức đấu tranh phù hợp; biết nắm bắt thời cơ, xây dựng lực lượng và tổ chức, sử dụng lực lượng; phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để dẫn dắt quần chúng đứng lên giành và giữ chính quyền.

Hai là, Đảng ta đã biết chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng đủ mạnh, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thời cơ cách mạng để đưa cuộc cách mạng đến thành công. Để giữ vững chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã dựa chắc vào nhân dân, tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần để đấu tranh thắng lợi. Biết dùng bạo lực cách mạng và sử dụng bạo lực cách mạng thích hợp, đúng lúc để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Ba là, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn đúng thời cơ, ra quyết định Tổng khởi nghĩa đúng lúc.

II. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC GIÀNH THẮNG LỢI, ĐỈNH CAO LÀ CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra đời đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã vững tay chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đến bến bờ vinh quang.

Năm 1945 - 1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn dân chống thù trong, giặc ngoài, vừa kháng chiến vừa kiến quốc: xây dựng và củng cố vững chắc chính quyền nhân dân; lãnh đạo cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên vào ngày 6/01/1946, xây dựng Hiến pháp dân chủ đầu tiên (năm 1946); chăm lo xây dựng chế độ mới; chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm; tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp; trấn áp các thế lực phản cách mạng, bảo vệ chính quyền và thành quả Cách mạng Tháng Tám. Tháng 12/1946, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quốc kháng chiến với quyết tâm: Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ kháng chiến; vừa kiến quốc vừa kháng chiến dựa vào sức mình là chính; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bạn bè quốc tế, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta đánh bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết đã chấm dứt sự thống trị của thực dân Pháp ở nước ta; giải phóng hoàn toàn miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đó là chương mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới.

2. Chiến dịch Điện Biên Phủ - “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”

2.1. Bối cảnh lịch sử

Ngày 19/12/1946 đáp Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta anh dũng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Với tinh thần “Cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”, quân và dân ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của thực dân Pháp, giành những thắng lợi nổi bật:

- Chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông năm 1947, là đòn quyết định làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của địch, bảo vệ an toàn căn cứ địa cách mạng và đầu não kháng chiến, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.

- Chiến dịch Biên giới năm 1950, tạo ra bước chuyển cơ bản cho cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn mới. Ta nắm quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ, liên tục tấn công và phản công địch. Quân ta càng đánh, càng mạnh, càng thắng; quân viễn chinh Pháp càng ngày càng lún sâu vào thế bị động, lúng túng.

- Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

Thu - Đông năm 1953, thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã cho ra đời Kế hoạch Nava, nhằm trong vòng 18 tháng sẽ tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, kiểm soát lãnh thổ Việt Nam và bình định Nam Đông Dương. Đây là nỗ lực cuối cùng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ nhằm giành lại thế chủ động có tính quyết định về quân sự trên chiến trường, làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có lợi cho chúng. Theo đó, Pháp và Mỹ đã lập kế hoạch đến năm 1954 quân chủ lực Pháp có 07 sư đoàn cơ động chiến lược với 27 binh đoàn làm năm đám thép.

Về phía ta, tháng 9/1953, Bộ Chính trị họp bàn và quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân với phương châm: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt; tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; chọn nơi địch sơ hở và tương đối yếu mà đánh; chọn những hướng địch có thể đánh sâu vào vùng tự do, đẩy mạnh chiến tranh du kích, giữ vững thế chủ động; kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng. Quân và dân ta đã phối hợp với quân và dân hai nước: Lào, Campuchia liên tiếp mở chiến dịch và giành thắng lợi ở Lai Châu, Trung Lào, Hạ Lào, Đông Campuchia, Tây Nguyên và Thượng Lào, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, làm phá sản âm mưu tập trung lực lượng của địch, buộc quân Pháp phải phân tán lực lượng để đối phó trên khắp chiến trường Đông Dương, đẩy chúng vào tình thế bị động chiến lược.

Khi phát hiện hướng tiến công chiến lược của ta vào Tây Bắc, Lai Châu và Thượng Lào, thực dân Pháp đã cho quân nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ. Đây là cứ điểm có ý nghĩa chiến lược khống chế cả một vùng rộng lớn của Tây Bắc và Thượng Lào. Các tướng lĩnh Pháp và Mỹ đã liên tiếp cho tăng cường lực lượng, xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Địch đã cho tập trung ở đây 16.200 quân gồm 21 tiểu đoàn trong đó có 17 tiểu đoàn bộ binh, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 phi đội không quân, 1 đại đội vận tải cơ giới. . Đây là tập đoàn cứ điểm phòng ngự mạnh nhất của Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ. Nava coi Điện Biên Phủ như

“một pháo đài không thể công phá”, là nơi thu hút để tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta.

Điện Biên Phủ đã trở thành điểm quyết chiến chiến lược của Kế hoạch Nava.

Trước tình hình đó, ngày 06/12/1953, Bộ Chính trị họp và nhận định, Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng chỗ yếu cơ bản của địch là bị cô lập. Về phía ta, chiến dịch Điện Biên Phủ là trận công kiên lớn nhất từ trước tới nay; diễn ra trên địa bàn rừng núi hiểm trở, đường cơ động khó khăn, nhất là cho Pháo binh; thời gian chuẩn bị cho chiến dịch gấp, nhưng có ý nghĩa quân sự, chính trị và ngoại giao rất quan trọng. Khó khăn lớn nhất của ta là vấn đề cung cấp hậu cần nhưng có thể khắc phục được. Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và thông qua phương án tác chiến; thành lập Đảng uỷ, Bộ Chỉ huy chiến dịch do Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ. Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng cung cấp mặt trận do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch. Bộ Chính trị và Tổng Quân uỷ đã quyết định tập trung 05 đại đoàn (04 đại đoàn bộ binh, 01 đại đoàn công pháo) với tổng quân số trên 40.000 chiến sĩ.

Với khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, cả nước đã tập trung sức mạnh cho mặt trận Điện Biên Phủ. Các đơn vị bộ đội chủ lực nhanh chóng tập kết, ngày đêm bạt rừng, xẻ núi mở đường, kéo pháo, xây dựng trận địa, sẵn sàng tiến công địch. 261.451 dân công, thanh niên xung phong bắt chập bom đạn, hướng về Điện Biên bảo đảm hậu cần phục vụ chiến dịch.

2.2. Diễn biến của chiến dịch

Ngày 25/01/1954, các đơn vị bộ đội ta ở vị trí tập kết sẵn sàng nổ súng theo phương châm tác chiến “đánh nhanh, giải quyết nhanh”. Nhưng, nhận thấy địch đã tăng cường lực lượng phòng ngự vững chắc, Đảng uỷ và Bộ Chỉ huy chiến dịch quyết định, giữ vững quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, thay đổi phương châm tác chiến sang “đánh chắc, tiến chắc”. Trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ đã diễn ra 03 đợt.

Đợt 1: Từ ngày 13 - 17/3/1954, quân ta tiêu diệt cứ điểm Him Lam và Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo, phá vỡ cửa ngõ phía Bắc của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; diệt và bắt sống trên 2.000 tên địch, phá hủy 25 máy bay, xóa sổ 01 trung đoàn, uy hiếp sân bay Mường Thanh.

Đợt 2: Từ ngày 30/3 đến ngày 30/4/1954, quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía Đông phân khu Trung tâm, thắt chặt vòng vây, chia cắt và liên tục tiến công, kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế tiếp viện của địch. Đây là đợt tấn công dài ngày, quyết liệt, gay go nhất, ta và địch giành giật nhau từng tấc đất, từng đoạn giao thông hào. Tại đồi C1, ta và địch giằng co nhau tới 20 ngày; đồi A1 giằng co tới 30 ngày. Sau đợt tấn công thứ 2, khu trung tâm Điện Biên Phủ đã nằm trong tầm bắn các loại súng của ta; quân địch rơi vào tình trạng bị động, mất tinh thần cao độ.

Đợt 3: Từ 01/5 đến 07/5/1954, quân ta đánh chiếm các cứ điểm phía Đông và mở đợt tổng công kích tiêu diệt toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đêm

ngày 06/5/1954, tại đồi A1 trận chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt, quân ta ào ạt xông lên tiêu diệt các lô cốt và dùng thuốc nổ phá các hầm ngầm kiên cố của địch. Tên quan Tư chỉ huy đồi A1 và khoảng 400 tên địch sống sót đã phải đầu hàng. 17 giờ 30 phút ngày 07/5/1954, ta chiếm sở chỉ huy của địch, tướng Đờ Cát cùng toàn bộ Bộ Tham mưu và binh lính tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ ra hàng. Lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” của Quân đội ta tung bay trên nóc hầm chỉ huy của địch. Ngay trong đêm, quân ta tiếp tục tiến công phân khu Nam, đánh địch tháo chạy về Thượng Lào, đến 24 giờ toàn bộ quân địch đã bị bắt làm tù binh.

Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ là một trận quyết chiến chiến lược, trực tiếp đưa đến việc ký Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương. Tạo nền tảng vững chắc để nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

2.3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

a. Nguyên nhân thắng lợi

Một là, Đảng ta, đứng đầu là Hồ Chủ tịch đã đề ra đường lối kháng chiến, đường lối quân sự độc lập, đúng đắn, sáng tạo. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến; vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng chế độ mới. Trong trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ, lòng yêu nước và tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” đã tạo nên ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đánh thắng kẻ thù xâm lược, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Hai là, Nhân dân ta khắp mọi miền, mọi lứa tuổi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ đã phát huy cao độ tinh thần yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng ra sức thi đua xây dựng hậu phương vững chắc, giết giặc lập công, đóng góp sức người, sức của bảo đảm đầy đủ mọi điều kiện cho chiến trường, tiếp thêm ý chí quyết chiến, quyết thắng cho lực lượng vũ trang ngoài mặt trận.

Ba là, Quân đội ta trưởng thành vượt bậc về tư tưởng chính trị, lực lượng, tổ chức chỉ huy, trình độ tác chiến, trang thiết bị quân sự và bảo đảm hậu cần; mưu trí, sáng tạo, dũng cảm hy sinh lập nhiều chiến công trên khắp chiến trường Đông Dương, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ở chiến trường Điện Biên Phủ.

Bốn là, Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ còn có sự chi viện, cổ vũ và ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào đấu tranh vì hoà bình của nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới; trong đó, có nhân dân Pháp, đặc biệt là của các nước trên bán đảo Đông Dương cùng chung chiến hào, đã tạo nên sức mạnh thời đại của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

b. Ý nghĩa lịch sử

- *Đối với nhân dân ta*

Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng vĩ đại, giáng đòn quyết định tạo bước ngoặt lịch sử làm thay đổi cục diện chiến tranh giữa ta và địch, trực tiếp đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông

Dương. Đồng thời, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; chấm dứt hoàn toàn ách xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước ta và các nước trên bán đảo Đông Dương; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng Tháng Tám; mở ra giai đoạn cách mạng mới, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã làm tăng niềm tự hào dân tộc, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện; cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân một lòng, một dạ chiến đấu dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

- Đối với thế giới

Chiến thắng Điện Biên Phủ giáng một đòn chí mạng vào nền móng của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đánh sập thành lũy của chủ nghĩa thực dân cũ ở vị trí xung yếu nhất, đánh dấu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới; báo hiệu sự thất bại chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ cầm đầu. Đây là chiến thắng chung của các nước trên bán đảo Đông Dương, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào đấu tranh vì hòa bình, tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Đồng thời, chứng minh một chân lý của thời đại: các dân tộc bị áp bức, bị xâm lược nếu có ý chí kiên cường và đường lối đúng đắn, sáng tạo, biết đoàn kết đấu tranh vì độc lập tự do thì dân tộc đó nhất định thắng lợi; đã thôi thúc và cổ vũ các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ la tinh đứng lên đấu tranh tự giải phóng, thoát khỏi ách xâm lược của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

2.4. Phát huy tinh thần Điện Biên Phủ, chủ động nắm thời cơ, vượt mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Chiến thắng Điện Biên Phủ là di sản tinh thần quý báu, động lực tinh thần to lớn để dân tộc ta viết tiếp bản anh hùng ca chói lọi trong thời đại Hồ Chí Minh, lập chiến công hiển hách Điện Biên Phủ trên không năm 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội; giành được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới gần 30 năm qua, đưa đất nước ta lên một tầm cao mới, thế và lực mới, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế. Kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2024), chúng ta tự hào về Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh; Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa thế giới - anh hùng giải phóng dân tộc, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta; dân tộc Việt Nam văn hiến; các lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, bách chiến, bách thắng.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động khó lường. Đất nước đã và đang đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nguy cơ, thách thức mới. Các thế lực thù địch gia tăng thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ, với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, chống phá Đảng, Nhà nước và sự nghiệp đổi mới của đất nước quyết liệt. Vì vậy, đòi hỏi toàn

Đảng, toàn dân, toàn quân không ngừng nâng cao cảnh giác cảnh giác, phát huy cao độ nội lực; tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh thời đại, tạo dựng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Phát huy tinh thần cách mạng Điện Biên Phủ, các thế hệ ngày nay quyết tâm phấn đấu, năng động, sáng tạo, lập nên kỳ tích mới xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Tiếp tục chăm lo xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc, nâng cao tiềm lực quốc phòng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục quốc phòng, chất lượng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng - an ninh - kinh tế - đối ngoại. Chú trọng xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng trên tuyến biên giới, vùng sâu, vùng xa, tạo thế trận quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, xoá đói giảm nghèo, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc ở các địa bàn chiến lược. Tổ chức các lực lượng vũ trang hợp lý, đồng bộ, cân đối giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, các quân binh chủng phù hợp với yêu cầu tác chiến mới, xây dựng quân đội theo hương tinh, gọn, mạnh. Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ trong tình hình mới.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VĨ ĐẠI, ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 GIÀNH THẮNG LỢI, ĐỈNH CAO LÀ CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

1. Đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng XHCN ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa của cách mạng cả nước; cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ. Trải qua 21 năm chiến đấu anh dũng (1954 -1975), nhân dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang. Ở miền Bắc, Đảng ta lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 -1960); đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội (1961-1965); chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ Nhất, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội (1965-1968); khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho chiến trường miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ Hai (1969-1973); khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam (1973-1975). Ở miền Nam, nhân dân ta đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và nguy quyền tay sai: “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968), “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969-1973) và tiến tới “đánh cho nguy nhào” (1973-1975). Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải

phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là trang lịch sử vàng chói lọi nhất của dân tộc ta, có tính thời đại sâu sắc.

2. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Nhân dân ta là cuộc chiến tranh vô cùng khốc liệt với nhiều hy sinh, mất mát, nhưng vẻ vang, oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, với những bước chuyển biến về tương quan lực lượng, cục diện chiến tranh để đến giai đoạn cuối cuộc kháng chiến đã tạo bước nhảy vọt lớn, đi đến giành thắng lợi hoàn toàn. Gần 50 năm đã trôi qua, nhưng Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đặc biệt là Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 - 30/4/1975) vẫn là đỉnh cao thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam như trang vàng chói lọi nhất.

2.1. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960: Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ

Tháng 7/1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của Nhân dân ta thắng lợi, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơnevơ. Mỹ ngoan cố không chấp nhận các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ, không ký Tuyên bố cuối cùng của Hiệp định, đồng thời xúc tiến kế hoạch xâm chiếm miền Nam Việt Nam bằng Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”. Thông qua việc dùng chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, Mỹ tập trung thực hiện biện pháp “tố cộng, diệt cộng” đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, biến miền Nam thành nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị chìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai chiến lược: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cả nước và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ. Thực hiện nhiệm vụ trên, ở miền Bắc, ta tích cực triển khai những biện pháp nhằm nhanh chóng ổn định, sớm tổ chức cuộc sống mới sau chiến tranh. Trong ba năm (1958 - 1960), miền Bắc đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên trong phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của quyền ở các thôn, xã.

2.2. Giai đoạn từ năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang “Chiến tranh đặc biệt” đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội nguy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và chính trị, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và tay sai. Ở miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hoá, quốc phòng an ninh đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

2.3. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968: Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ra miền Bắc của đế quốc Mỹ

Trước nguy cơ phá sản của “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng nguy quân, nguy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 - 30 tháng (từ giữa năm 1965 đến hết năm 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của Mỹ ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân Xuân 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

2.4. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973: Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”; đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán

Sau thất bại của các chiến lược: “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965), “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968) đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1968 -1972) và liên tiếp gặp thất bại nặng nề. Để cứu vãn, đế quốc Mỹ đã tiến hành cuộc tập kích đường không chiến lược bằng B-52, nhằm gây sức ép buộc ta phải chấp nhận ký Hiệp định Pari theo các điều khoản có lợi cho

chúng; đánh phá, hủy diệt tiềm lực kinh tế - quốc phòng của miền Bắc, hạn chế sự chi viện cho cách mạng miền Nam, làm lung lay ý chí quyết tâm chiến đấu chống Mỹ của nhân dân Việt Nam; đe dọa phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới.

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 17/12/1972, Tổng thống Mỹ Richard Nixon ra lệnh mở cuộc tập kích bằng không quân vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã trên miền Bắc. Trong 12 ngày đêm (17-29/12/1972), đế quốc Mỹ đã sử dụng 663 lần máy bay B-52 và 3.920 lần máy bay chiến thuật, ném hơn 100 ngàn tấn bom, đạn xuống Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, thị xã miền Bắc nước ta. Riêng ở Hà Nội, địch sử dụng 441 lần máy bay B-52 cùng nhiều máy bay chiến thuật ném hàng ngàn tấn bom hủy diệt nhiều phố xá, làng mạc; phá sập 5.480 ngôi nhà, trong đó có gần 100 nhà máy, xí nghiệp, trường học, bệnh viện, nhà ga; giết chết 2.368 dân thường, làm bị thương 1.355 người khác, hủy diệt phố Khâm Thiên - khu vực có mật độ dân số đông nhất Hà Nội.

Kết quả: Trong 12 ngày đêm, quân và dân ta miền Bắc đã bắn rơi 81 máy bay Mỹ các loại, gồm: 34 chiếc B-52; 05 chiếc F-111A; 21 chiếc F-4CE; 04 chiếc A-6A; 12 chiếc A-7; 01 chiếc F-105D; 02 chiếc RA-5C; 01 chiếc trực thăng HH-53; 01 chiếc trinh sát không người lái 147-SC, bắt sống và diệt nhiều giặc lái (Riêng Quân chủng Phòng không - Không quân bắn rơi 32/34 máy bay B-52 bị bắn rơi trong chiến dịch). Không quân Hoa Kỳ đã mất gần 100 phi công, phần lớn phi công bị chết và bị bắt đều là những phi công kỳ cựu, có giờ bay rất cao. Thông thường trong chiến tranh, ở những trận tập kích đường không lớn, tỷ lệ tổn thất về máy bay của phe tiến công là khoảng 1-2%, nhưng trong cuộc tập kích bằng đường không vào Hà Nội, riêng B-52 tỷ lệ tổn thất lên tới 17% (34/193 chiếc). Tướng Gioóc Êttơ, Phó chỉ huy không quân chiến lược Mỹ, ngày 30/12/1972, đã thú nhận trên tạp chí US.Air Forces (Không lực Hoa kỳ): “Tổn thất về máy bay chiến lược B-52 cùng các nhân viên phi hành là hết sức nặng nề, là đòn choáng váng đánh thẳng vào những nhà vạch kế hoạch của Lầu Năm góc”. Trong hồi ký, Richard Nixon viết: “Nỗi lo của tôi trong những ngày này không phải là lo những làn sóng phản đối, phê phán nghiêm khắc ở trong nước và trên thế giới, mà chính là mức độ tổn thất về máy bay B-52 quá nặng nề”.

Với việc đánh thắng cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ, làm nên Chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” năm 1972, ngày 27/01/1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết.

2.5. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975: Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân, nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục dùng nguy quân, nguy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Mỹ tăng cường chi viện tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho quân Ngụy lấn đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại

giao hảo quyết để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hồng, xóa bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21, khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam ngày càng mạnh, nguy ngày càng suy yếu. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn Miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng toàn tỉnh Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Thời cơ giải phóng miền Nam đã đến.

3. Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 04/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4/1975. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

3.1. Đại thắng mùa Xuân năm 1975

Đại thắng mùa xuân 1975 là chiến công chói lọi mang tầm vóc thời đại, là bước chuyển mình vĩ đại của dân tộc bước qua khói lửa chiến tranh thực hiện thắng lợi xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đại thắng mùa Xuân 1975 là một chuỗi chiến dịch lịch sử, đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam.

*** Chiến dịch Tây Nguyên - Đòn chiến lược then chốt mở đầu**

Ngày 09/01/1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp đánh giá tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường; đề ra nhiệm vụ quân sự mùa Xuân 1975, thực hiện một bước kế hoạch tác chiến chiến lược. Quân ủy Trung ương xác định trong mùa khô 1974 - 1975, hướng tiến công chủ yếu của ta là Tây Nguyên. Chiến dịch Tây Nguyên phải tiêu diệt, làm tan rã: 04 - 05 trung đoàn bộ binh, 01-02 trung đoàn thiết giáp; nhiều tiểu đoàn bảo an, trung đội dân vệ, đánh quy hoặc tiêu diệt 01 sư đoàn, đánh thiệt hại Quân đoàn 2 của ngụy Sài Gòn. Trên cơ sở đó, giải phóng một phần tỉnh Đắk Lắk, Phú Bổn, Quảng Đức, trọng điểm là tỉnh Đắk Lắk; mục tiêu then chốt là Buôn Ma Thuột; mục tiêu quan trọng là: Đức Lập, Thuận Mẫn, Kiến Đức; hướng phát triển chủ yếu: Cheo Reo, Gia Nghĩa. Ngày 05/02/1975, Bộ Chính trị cử Đại tướng Văn Tiến Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổng tham mưu trưởng vào chiến trường Tây Nguyên làm đại diện của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh bên cạnh Bộ Chỉ huy chiến

địch Tây Nguyên để trực tiếp chỉ đạo chiến dịch; quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên; bổ nhiệm: Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm tư lệnh; Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm chính ủy,... Chiến dịch Tây Nguyên nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch giải phóng các tỉnh Nam Tây Nguyên, tạo thế chia cắt chiến lược thực hiện chiến lược giải phóng miền Nam (1975).

Thời gian diễn ra chiến dịch Tây Nguyên là từ ngày 04/3 - 03/4/1975.

Lực lượng ta tham gia chiến dịch gồm 05 sư đoàn (10, 320A, 316, 968, 3) và 04 trung đoàn bộ binh (25, 271, 95A, 95B), Trung đoàn đặc công 198, Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 273 và một số đơn vị binh chủng chuyên môn kỹ thuật.

Lực lượng địch có Sư đoàn bộ binh 23; Lữ đoàn dù số 3; Trung đoàn bộ binh 40; 8 binh đoàn biệt động quân; Lữ đoàn tăng – thiết giáp 2; 30 tiểu đoàn bảo an và các đơn vị binh chủng chuyên môn khác.

Diễn biến chính. Từ ngày 4/3/1975, ta đã khởi đầu chiến dịch, cắt đứt các tuyến đường quan trọng 19 và 21, cô lập các đơn vị quân sự của địch ở khu vực Tây Nguyên và đồng bằng. Ngày 08/3, Sư đoàn 302 tiêu diệt căn cứ quân địch tại Cẩm Ga, chiếm giữ tuyến đường 14, cắt đứt quân địch ở phía Bắc và phía Nam của Tây Nguyên. Từ ngày 09 đến 10/3, Sư đoàn 10 của ta tiêu diệt căn cứ quân địch tại Đức Lập; các đơn vị: Sư đoàn 316, Trung đoàn 95b và Trung đoàn 198 tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột và đã giải phóng thành công thị xã vào ngày 11/3. Từ ngày 14 đến 18/3, Sư đoàn 10 và Trung đoàn 25, tiến công lực lượng địch đổ bộ bằng trực thăng trên đường 21, phía Đông Bắc của Buôn Ma Thuột, tiêu diệt Sư đoàn 23 và Liên đoàn biệt động quân 21 của địch. Trước tình huống không còn lực lượng ứng cứu, nguy quyền Sài Gòn buộc phải rút bỏ Bắc Tây Nguyên để bảo toàn lực lượng của Quân đoàn 2. Chớp thời cơ, đã triển khai Sư đoàn 320, tấn công quân địch đang rút chạy trên tuyến đường 7. Từ ngày 17 đến 23/3, ta đã tiêu diệt hầu hết lực lượng địch, gồm: 01 trung đoàn bộ binh, 05 liên đoàn biệt động quân, 03 thiết đoàn và các đơn vị khác, giải phóng Cheo Reo và Củng Sơn. Từ ngày 18 đến 24/3, các đơn vị: Sư đoàn 968, Trung đoàn 95a và Trung đoàn 271 đã tiến vào giải phóng các thị xã: Kon Tum, Gia Nghĩa và Pleiku. Phát triển tiên công thắng lợi, ta đã tiến về phía Duyên Hải Trung Trung Bộ và tiêu diệt Lữ đoàn dù 3, Trung đoàn 40, Liên đoàn 24, giải phóng các tỉnh Bình Khê (Bình Định), Phú Yên, Nha Trang, Cam Ranh (Khánh Hòa). Ngày 03/4/1975 Chiến dịch Tây Nguyên kết thúc thắng lợi.

Kết quả của chiến dịch Tây Nguyên là quân dân ta đã tiêu diệt Sư đoàn 23, Lữ đoàn 8, Lữ đoàn thiết giáp 2, Trung đoàn 40, 8 liên đoàn biệt động quân và một số tiểu đoàn bảo an,... tổng cộng hơn 30.000 tên; giải phóng khu vực Tây Nguyên và Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Từ đó, làm rung động toàn bộ hệ thống phòng thủ ở phía Bắc, phá vỡ và cắt đôi thế bố trí chiến lược của địch; buộc chúng phải co cụm và bị động đối phó trên các chiến trường, mở ra thời cơ cho cuộc tổng tiến công chiến lược mùa Xuân 1975. Trong chiến dịch này, nhân dân các dân tộc Tây Nguyên đã chủ động tham gia mở đường, vận tải phục vụ các đơn vị chủ lực và các hoạt động nghi binh lừa địch; phối hợp hoạt động tác chiến truy quét tàn

quân địch; nổi dậy phá “ấp chiến lược”, lật đổ chính quyền địch; tham gia giữ gìn, bảo vệ thành quả cách mạng.

Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên là kết quả của sự vận dụng sáng tạo đường lối quân sự của Đảng, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh và nghệ thuật quân sự Việt Nam. Thắng lợi to lớn của Chiến dịch đã tạo ra sự thay đổi căn bản về so sánh lực lượng và thế chiến lược có lợi cho ta, còn địch bị suy sụp và tan rã về chiến lược, dẫn đến co cụm và bị động đối phó trên các chiến trường. Chiến thắng mở ra thời cơ của cuộc tổng tiến công chiến lược, tạo điều kiện cho chiến dịch Trị Thiên - Đà Nẵng, mở ra bước ngoặt quyết định cho thời kỳ toàn thắng của cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên đến nay vẫn còn nguyên giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Bài học sâu sắc nổi bật cho mọi thời kỳ, giai đoạn cách mạng, lúc chiến tranh cũng như trong hòa bình xây dựng, đó là việc đánh giá đúng vị trí, ý nghĩa chiến lược của địa bàn Tây Nguyên. Do đó, Đảng, Nhà nước ta đã luôn coi trọng xây dựng Tây Nguyên phát triển toàn diện, vững chắc. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của cả vùng Tây Nguyên tính riêng trong năm 2019 là khoảng 8,5%. Tây Nguyên đang dần đổi mới và phát triển theo hướng nhanh và bền vững.

*** Chiến dịch Trị Thiên (từ ngày 5 đến 26/3/1975) - Chiến thắng then chốt**

Ngày 5/3/1975, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh đã quyết định mở Chiến dịch Trị Thiên, nhằm tiến công tiêu diệt các mục tiêu của địch trên tuyến phòng thủ Trị Thiên; phối hợp với chiến trường chủ yếu Nam Tây Nguyên và sẵn sàng phát triển khi thời cơ đến.

Với quyết tâm chiến đấu cao, công tác tổ chức chỉ đạo, chỉ huy chặt chẽ, xác định cách đánh sáng tạo, ta đã tiến công địch đồng loạt ở mặt trận giáp ranh và đồng bằng, cùng một lúc đánh cả vào hệ thống phòng ngự vững chắc vòng ngoài và hệ thống kim kẹp bên trong, buộc chúng phải bị động đối phó và nhanh chóng tan rã. Ngày 18/3, lực lượng địch ở Quảng Trị buộc phải rút chạy, lui về củng cố tuyến phòng thủ ở Nam sông Mỹ Chánh. Quân ta đã kịp thời chuyển sang tiến công và truy kích, giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị vào ngày 19/3. Ngày 21/3, chiến dịch tiến công Huế bắt đầu. Đến ngày 24/3, ta đã bao vây chặt toàn bộ tập đoàn phòng ngự của địch ở Huế; đồng thời, đập tan tuyến phòng thủ của địch ở Tam Kỳ, xóa sổ Sư đoàn 2, Liên đoàn 12 biệt động quân nguy, giải phóng hoàn toàn thị xã Tam Kỳ (Quảng Nam). Sáng 25/3/1975, Trung đoàn 101 Sư đoàn 325, Trung đoàn 3 Sư đoàn 324, các đơn vị của quân khu Trị Thiên và các cánh quân của Quân đoàn 2 từ các hướng tiến công vây kín bốn phía và thần tốc tiến vào trung tâm thành phố Huế. Đến 10h30 ngày 25/3/1975, quân ta cầm cờ chiến thắng trên đỉnh Phú Văn Lâu, thành phố Huế được giải phóng.

Như vậy, đến ngày 25/3, quân ta đã giải phóng thành phố Huế; ngày 26/3, giải phóng hoàn toàn tỉnh Thừa Thiên, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân địch gồm sư đoàn 1 bộ binh, lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến, hai liên đoàn biệt động quân (14 và 15), lữ đoàn 1 kỵ binh thiết giáp và các tiểu đoàn pháo binh, các tiểu

đoàn bảo an, lực lượng phòng vệ dân sự và toàn bộ máy bay nguy quyền tình, quận, xã bị tiêu diệt và tan rã hoàn toàn.

Chiến dịch Trị Thiên kết thúc thắng lợi là một đòn phủ đầu giáng vào kế hoạch phòng thủ cơ cụm chiến lược mới của địch ở vùng đồng bằng ven biển miền Trung. Mỹ - ngụy chủ trương lấy Trị Thiên - Huế làm một trung tâm phòng ngự cố thủ, án ngữ ở phía Bắc, che chở bảo vệ cho trung tâm phòng ngự Quảng Nam - Đà Nẵng. Thắng lợi của Chiến dịch đã đập tan lá chắn mạnh nhất của địch, mở toang cánh cửa án ngữ dày đặc của địch ở phía Bắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng của ta phát triển tiến công vào phía Nam. Kết quả của chiến dịch đã làm thay đổi hẳn tương quan lực lượng địch-ta trên hướng tiến công chiến lược phía Bắc, góp phần để ta củng cố quyết tâm tiếp tục mở chiến dịch tiến công vào Đà Nẵng và giành thắng lợi.

*** Chiến dịch Đà Nẵng (26-29/3/1975) - Bước ngoặt quyết định**

Về địch, Đà Nẵng là thành phố lớn thứ hai ở miền Nam, một căn cứ quân sự liên hợp lớn hải – lục – không quân, hiện đại và mạnh vào loại bậc nhất ở miền Nam. Tại đây, địch có khoảng 75.000 tên, được tổ chức phòng thủ làm hai tuyến: Tuyến vành đai, do sư đoàn thủy quân lục chiến, sư đoàn 3 bộ binh cùng một số đơn vị bảo an phụ trách; tuyến trong, do các đơn vị địa phương cùng lực lượng các quân binh chủng đảm nhiệm. Sau khi mất Huế và Tam Kỳ (Quảng Nam), Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố “tử thủ” Đà Nẵng.

Về phía ta, sau các chiến dịch Tây Nguyên, Trị Thiên, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam trước mùa mưa, trước mắt là giải phóng Đà Nẵng. Lực lượng ta tham gia Chiến dịch có Quân đoàn 2 (thiếu Sư đoàn 324) và Quân khu 5 (gồm Sư đoàn bộ binh 2, Lữ đoàn bộ binh 52, 2 tiểu đoàn tăng thiết giáp, 1 tiểu đoàn pháo binh, 2 trung đoàn và 3 tiểu đoàn bộ đội địa phương, du kích và lực lượng tự vệ, biệt động...). Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ Tư lệnh và Đảng ủy chiến dịch mang tên Mặt trận 475. Đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó Tổng Tham mưu Trường được cử làm Tổng Tư lệnh và đồng chí Chu Huy Mân, Tư lệnh Quân khu 5 được cử làm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy.

Ngày 26/3, chiến dịch Đà Nẵng mở màn. Đến ngày 28/3, quân ta đã đập tan toàn bộ hệ thống phòng ngự vòng ngoài của địch và triển khai lực lượng áp sát thành phố Đà Nẵng từ nhiều hướng. Ngày 26/3, Mỹ buộc phải lập cầu hàng không di tản cơ quan lãnh sự Mỹ ở Đà Nẵng về Sài Gòn khiến tinh thần binh lính địch ở đây càng thêm rối loạn. Ngày 27/3, nhiều đơn vị địch đã tự động bỏ trận địa tiền tiêu rút về phía sau. Sau đó, địch cũng bỏ cả quận lỵ Thăng Bình, rút khỏi căn cứ Núi Quế. Chiều 28/3, Trung tướng ngụy Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quân khu 1 cùng Bộ tư lệnh vùng 1 chiến thuật đã bí mật trốn ra hạm đội 7 của Mỹ đậu ở ngoài biển, bất chấp lời kêu gọi “tử thủ Đà Nẵng” của Nguyễn Văn Thiệu.

Ngày 27/3, Quân ủy Trung ương điện cho Quân khu V và Quân đoàn 2: “Tình hình Đà Nẵng rất khẩn trương, cần có những biện pháp đặc biệt nhanh chóng tiến công địch, bỏ qua những mục tiêu dọc đường, đánh thẳng vào Đà Nẵng, nhanh nhất, kịp thời nhất, táo bạo nhất với những lực lượng có thể chuyển tới sớm

nhất.”. Rạng sáng ngày 29/3, quân ta tập trung 30 khẩu pháo lớn của Quân đoàn 2 và Quân khu 5 bắn mãnh liệt vào các khu vực Hòn Bàng, Trà Kiệu, Vĩnh Điện, sân bay Đà Nẵng, cảng Sơn Trà, sân bay Nước Mặn,... chi viện cho các mũi bộ binh, xe tăng tiến công từ nhiều hướng. Đến 15 giờ, ngày 29/3, ta chiếm lĩnh toàn bộ căn cứ liên hợp Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà. Thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận được giải phóng.

Chiến dịch Đà Nẵng kết thúc thắng lợi. Quân ta đã tiêu diệt và làm tan rã bộ chỉ huy quân đoàn 1, sư đoàn thủy quân lục chiến, sư đoàn 3, liên đoàn 15 biệt động quân, tàn quân nguy chạy từ Thừa Thiên – Huế vào, thu và phá hủy 69.000 khẩu súng các loại, 138 xe tăng và xe bọc thép, 115 máy bay, hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược và phương tiện chiến tranh khác. Không chỉ vậy, Chiến dịch đã gây cho địch tổn thất lớn về vật chất, kỹ thuật, tan rã về tổ chức, bế tắc về chiến thuật, chiến lược và quan trọng nhất là làm suy sụp lớn về tinh thần, đẩy quân nguy đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn không gì có thể cứu vãn nổi, mở ra cho ta thời cơ, điều kiện mới giải phóng Sài Gòn – Gia Định. Ngay trong đêm 29/3, các hãng tin phương Tây đã bình luận: “Việc Đà Nẵng thất thủ, kể từ đây sự sụp đổ của chế độ Sài Gòn chỉ tính bằng ngày và giờ.”

Chiến dịch Đà Nẵng là chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng quy mô lớn, diễn ra trong một thời gian ngắn, giành được thắng lợi lớn, cho ta nhiều bài học kinh nghiệm quý về chỉ đạo chiến dịch linh hoạt, kịp thời, đạt hiệu quả chiến đấu cao. Về nghệ thuật quân sự, đòn tiến công Đà Nẵng là sự chuyển hướng tiến công sáng suốt, linh hoạt và rất kịp thời của ta, tạo sự sụp đổ dây chuyền nhanh chóng của địch. Trong quá trình tiến công, quân ta đã nhanh chóng cắt đường 1, chia cắt cô lập Đà Nẵng, hình thành thế bao vây, tiến công áp đảo bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng từ nhiều hướng, không cho địch kịp đối phó và rút chạy. Thắng lợi của chiến dịch Đà Nẵng đã góp phần mở ra một địa bàn chiến lược có ý nghĩa quan trọng. Vùng lãnh thổ, gồm 05 tỉnh đồng bằng ven biển (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Đà, Quảng Nam, Quảng Ngãi, trong đó có 02 thành phố lớn là Huế và Đà Nẵng) tiếp giáp với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, nối liền với vùng mới giải phóng ở Tây Nguyên, đã tạo nên một hậu phương chiến lược hoàn chỉnh hơn. Với hậu phương mới, ta có điều kiện tốt hơn trong việc bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, bảo đảm cơ động lực lượng, đáp ứng với yêu cầu tập trung lực lượng quy mô lớn cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

*** Chiến dịch tiến công giải phóng Xuân Lộc - Mở toang “cánh cửa thép”**

Xuân Lộc là một thị xã của tỉnh Long Khánh (thị xã Long Khánh, Đồng Nai hiện nay). Đây là địa bàn án ngữ những trục giao thông quan trọng, như: Quốc lộ số 1, quốc lộ 20, quốc lộ 15, rất thuận lợi cho quân ta cơ động lực lượng tiến thẳng vào nội đô Sài Gòn.

Về phía địch, Xuân Lộc - Long Khánh có tầm quan trọng về địa lý, quân sự, nhằm bảo vệ Sài Gòn từ hướng đông. Để biến Xuân Lộc thành “cánh cửa thép”, địch đã tập trung ở đây một sư đoàn bộ binh, một liên đoàn biệt động quân, một thiết đoàn xe tăng-thiết giáp, 4 tiểu đoàn pháo binh và lực lượng được tổng trừ sẵn

sàng ủng trợ đặc biệt. Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ Đại tướng Frederick C. Weyand, đã trực tiếp thị sát và nhấn mạnh: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn.”. Sau thời gian ngắn, lực lượng địch ở Xuân Lộc-Long Khánh đã gia tăng đột biến: chiếm 50% bộ binh, 60% pháo binh, hầu hết số lượng xe tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 và lực lượng tổng dự bị chiến lược của quân đội Sài Gòn.

Về phía ta, Ngày 2/4/1975, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc nhằm tiêu diệt sư đoàn 18 ở vòng ngoài, phá âm mưu phòng ngự từ xa, phá thế phòng ngự củng cố Sài Gòn của địch, chia cắt giao thông, cô lập Sài Gòn. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4. Đồng chí Hoàng Cầm được giao làm Tư lệnh chiến dịch. Lúc 5 giờ 40 phút ngày 9/4, Quân đoàn 4 nổ súng tấn công Xuân Lộc. Các trận địa pháo của Quân đoàn, sư đoàn lần lượt nhả đạn. Một giờ sau, bộ binh bắt đầu xung phong. Trong ngày chiến đấu đầu tiên, quân ta đã chiếm được 1/2 thị xã, toàn bộ khu hành chính tiểu khu.

Chiến sự ở Xuân Lộc-Long Khánh diễn ra ngày càng ác liệt. Địch quyết “tử thủ” Xuân Lộc. Trước tình hình đó, ta quyết định tổ chức lại lực lượng, thay đổi cách đánh từ tiến công trực tiếp chuyển sang thế trận bao vây, cô lập nhằm làm suy yếu lực lượng địch trong thị xã; tiêu diệt các lực lượng tiếp viện của địch mới được điều đến còn đứng chân chưa vững ở vòng ngoài. Ta tổ chức đánh chiếm ngã ba Dầu Giây, Núi Thị, cắt quốc lộ 1 và chặn đánh quân tiếp viện từ Biên Hòa, Trảng Bom, cắt rời Xuân Lộc ra khỏi Biên Hòa. Rạng sáng 15/4, quân ta bắt đầu bắn phá sân bay Biên Hòa. Ở khu vực Xuân Lộc, Sư đoàn 7 và Sư đoàn 341 liên tục tiến công, đánh tan hai chiến đoàn (43 và 48) của Sư đoàn 18 và diệt một bộ phận quân dù địch. Thấy không thể bảo vệ được Xuân Lộc, ngày 20/4, địch rút chạy, quân ta truy kích tiêu diệt. Ngày 21/4, thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh được giải phóng.

Kết quả, ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18), đánh thiệt hại trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp; diệt và bắt hàng nghìn tên địch, thu hàng chục ô tô và hàng nghìn súng các loại, phá hủy 42 xe tăng, xe thiết giáp.

Chiến dịch tiến công thắng lợi đã đập tan “cánh cửa thép” án ngữ cửa ngõ phía đông Sài Gòn, làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch quanh Sài Gòn, làm suy sụp nhanh thêm tinh thần chiến đấu của quân nguy còn lại trên toàn miền Nam. Xuân Lộc-Long Khánh được giải phóng, kế hoạch quân sự của Mỹ-ngụy bị đảo lộn, theo đó âm mưu chính trị cũng tan vỡ theo. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi, làm bàn đạp xuất phát tiến công của Cánh quân hướng Đông-một trong 5 mũi chủ lực cơ động của đội hình chiến dịch mang tên Bác Hồ kính yêu tiến vào giải phóng Sài Gòn-Gia Định. Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Chiến thắng Xuân Lộc (từ 9-21/4/1975) làm rung chuyển toàn bộ hệ thống phòng thủ của địch xung quanh Sài Gòn, làm cho tinh thần quân địch càng thêm suy sụp. Tin chiến thắng đã làm nức lòng nhân dân cả nước”.

Tối ngày 21/4/1975, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố từ chức và trốn chạy khỏi Sài Gòn. Ngày 23/4/1975, Tổng thống Mỹ Gerald Ford tuyên bố “Cuộc chiến tại Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ”.

Chiến thắng Xuân Lộc đã để lại nhiều bài học quý về cách quán triệt ý đồ chiến lược của Trung ương Đảng, hạ quyết tâm kịp thời, chính xác; biết tổ chức và sử dụng lực lượng tại chỗ, phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân; trong chỉ đạo, chỉ huy kịp thời, nhạy bén, linh hoạt; phát huy thế tiến công chiến lược, chớp thời cơ giành thắng lợi. Chiến thắng Xuân Lộc là một trong những điểm nhấn của mùa Xuân toàn thắng 1975. Bài học rút ra từ cuộc chiến năm xưa vẫn nguyên giá trị để nghiên cứu, vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

*** Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 đến 30/4/1975) - đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.**

Ngày 31/3, Bộ Chính trị họp nhận định: “Thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã hoàn toàn chín muồi. Từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta bắt đầu, nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc” và nhấn mạnh: “Phải nắm vững hơn nữa thời cơ chiến lược, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4, không để chậm.”. Bộ Chính trị quyết định tập trung lực lượng chỉ đạo giành thắng lợi trong trận quyết chiến lịch sử này. Chiến dịch giải phóng Sài Gòn-Gia Định được mang tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Chiến dịch Hồ Chí Minh - Chiến dịch quyết chiến, chiến lược trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 – là mốc son chói lọi, đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc thắng lợi và nhân dân Việt Nam đã thực hiện trọn vẹn tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

- Về hình thức, đây là Chiến dịch tiến công chiến lược binh chủng hợp thành; không gian là thành phố Sài Gòn và vùng lân cận; thời gian: Từ 26 - 30/4/1975. Lực lượng trực tiếp tham chiến: (1). Quân đội ta, gồm các quân đoàn: 1, 2, 3, 4 và Đoàn 232 (tổng cộng 15 sư đoàn); Các đơn vị cấp trung đoàn và lữ đoàn bộ binh; 04 trung, lữ đoàn Tăng - Thiết giáp; 06 trung đoàn đặc công và các đơn vị hỏa lực, kỹ thuật khác; tổng cộng: 240.000 quân, 400 xe tăng, thiết giáp, 420 pháo,... (2) Địch, gồm 05 sư đoàn bộ binh (22, 25, 5, 18) và sư đoàn thủy quân lục chiến; 02 lữ đoàn dù (1, 4); lữ đoàn 3 kỵ binh thiết giáp; 04 liên đoàn biệt động quân, bảo an và các đơn vị khác; tổng cộng: 240.000 quân, 625 tăng, thiết giáp, 400 pháo,...

- Về kết quả: Ta tiêu diệt quân đoàn 3 và toàn bộ các lực lượng tăng cường, diệt và làm tan rã quân đoàn 4 cùng tất cả các lực lượng địch còn lại trên chiến trường; giải phóng thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn, đòn quyết định làm tan rã toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Diễn biến chính: Mùa Xuân năm 1975, sau khi bị mất toàn bộ Quân khu 1 và Quân khu 2, một nửa binh lực của quân ngụy đã bị tiêu diệt. Trong thế tan rã chiến lược hầu như không thể cứu vãn, địch vẫn ra sức tổ chức lực lượng, tích cực phòng ngự, lấy việc bảo vệ Sài Gòn làm mục đích chiến lược để có thể mặc cả với ta trong trường hợp dẫn đến thương lượng hòa bình. Chúng lần lượt tổ chức phòng ngự từ xa, với các tập đoàn phòng ngự Phan Rang, tập đoàn phòng ngự Xuân Lộc và sau đó là tập đoàn phòng ngự trực tiếp thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn. Ngày 18/4, ta tổ chức tiến công Phan Rang, đập tan tuyến phòng ngự của địch ở đây, bắt sống Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, Tư lệnh mặt trận. Ngày 20/4, Sư đoàn 18 ngụy tháo chạy, Xuân Lộc thất thủ. Các tuyến phòng ngự từ xa đã bị phá vỡ, buộc địch co về phòng ngự trực tiếp thành phố Sài Gòn với ba tuyến: vòng ngoài (bán kính 25 - 30 km), vòng ven và nội đô. Giữa tháng 4, ta quyết định mở chiến dịch tiến công mang tên Hồ Chí Minh, nhằm giải phóng Sài Gòn và toàn bộ miền Nam trước mùa mưa. Tất cả các lực lượng chiến lược được huy động cho chiến dịch.

Sau khi đã hoàn thành công tác chuẩn bị và tập trung một khối lượng rất lớn lực lượng và phương tiện trong thời gian ngắn nhất ở vùng kế cận Sài Gòn, chiều 26/4, ta nổ súng mở màn chiến dịch. Từ năm hướng các quân đoàn đồng loạt tiến công Sài Gòn. Đến ngày 28/4, ta chọc thủng tuyến phòng ngự vòng ngoài, đập tan sự kháng cự của các sư đoàn địch, tiếp cận Sài Gòn. Địch bị rối loạn hoàn toàn về chiến lược. Từ chiều 28/4, các cánh quân ngụy không còn nhận được lệnh từ Tổng hành dinh và các tướng chỉ huy nữa vì đã tháo chạy ra nước ngoài.

Ngày 29/4, quân ta tổ chức tổng tiến công. Các binh đoàn hợp thành tiến công trong hành tiến, tiêu diệt các cánh quân địch ngăn chặn và phản kích, nhằm thẳng các mục tiêu đã được phân công. Sáng 30/4, địch xin ngừng bắn; ta vẫn kiên quyết tiến công, đánh chiếm các mục tiêu. 11h30, ngày 30/4, Dinh Độc Lập thất thủ, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ngày 1/5, toàn bộ lực lượng còn lại của quân ngụy tan rã, ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

- Những phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam: Đây là chiến dịch tiến công chiến lược binh chủng hợp thành có quy mô lớn nhất trong lịch sử chiến đấu của quân đội ta. Chiến dịch được thực hiện trong tình huống hai bên mặt đối mặt, cùng biết rõ ý đồ và lực lượng của nhau, khó tạo nên yếu tố bất ngờ ngay cả trong phạm vi chiến thuật, do đó, là bước phát triển về nghệ thuật chỉ huy. Ta tiến công trên tất cả các hướng, tạo thành thế hợp vây ngay từ đầu, khiến địch chỉ còn cách chấp nhận tác chiến hoặc đầu hàng. Trong đột phá chiến dịch ta vừa đánh địch phòng ngự vòng ngoài, vừa dùng các binh đoàn mạnh thọc thẳng vào chiều sâu và đầu não địch, đánh quy địch nhanh chóng. Lần đầu tiên ta sử dụng bộ đội tăng thiết giáp tập trung ở quy mô binh đoàn (lữ đoàn), đảm nhiệm một hướng tiến công chủ yếu với tính chất là đoàn (lữ đoàn), đảm nhiệm một hướng tiến công chủ yếu với tính chất là cụm cơ động thọc sâu phát huy được sức đột kích nhanh và tăng cường khả năng tác chiến trong hành tiến. Về chỉ đạo chiến lược, ta đã kết hợp chiến dịch với tiến công chiến lược trên toàn chiến trường, giành thắng lợi hoàn toàn. Chiến dịch Hồ Chí Minh là đỉnh cao của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ chí Minh là thắng lợi vĩ

đại nhất, trọn vẹn nhất, kết thúc 30 năm chiến tranh lâu dài, gian khổ, ác liệt nhất nhưng cũng vẻ vang nhất trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Đại thắng mùa Xuân 1975 đã khép lại cánh cửa chủ nghĩa thực dân mới, làm tiêu tan bao mưu đồ đen tối của các thế lực thù địch hòng thôn tính, đô hộ, nô dịch, ngăn cản sự phát triển mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã nâng vị thế chính trị của Việt Nam trên thế giới lên một tầm cao mới. Đối với dân tộc ta, đây là bản anh hùng ca bất hủ của chiến tranh nhân dân trong thời đại Hồ Chí Minh. Năm tháng trôi qua, càng khẳng định và làm nổi bật tầm vóc lịch sử và ý nghĩa thời đại của thắng lợi này./.

4. Ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

4.1. Ý nghĩa lịch sử

Đối với Việt Nam: thắng lợi của Nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy ngàn năm của dân tộc. Nhân dân ta đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ; kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập tự do, thống nhất cho Tổ quốc; chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; đánh dấu bước ngoặt quyết định trong lịch sử dân tộc, đưa Tổ quốc ta bước vào kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đối với thế giới: thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới; góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì mục tiêu độc lập dân tộc, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; cổ vũ, động viên các dân tộc đang tiến hành công cuộc giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc; mở đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

4.2. Nguyên nhân thắng lợi

Thứ nhất: sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đã phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng đi theo Đảng, đi theo Bác Hồ, chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, bền bỉ, lao động quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và vì quyền con người.

Thứ ba: cả nước đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, trên dưới một lòng, triệu người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Thứ tư: kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Thứ năm: liên minh chiến đấu với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết quốc tế.

4.3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất: Xác định đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai: Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Thứ ba: Vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt phương pháp đấu tranh cách mạng, phương thức tiến hành chiến tranh toàn dân và nghệ thuật quân sự chiến tranh toàn dân, xây dựng và phát triển lý luận chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Thứ tư: Chủ động, nhạy bén, linh hoạt trong chỉ đạo chiến lược chiến tranh cách mạng và nghệ thuật tạo và nắm thời cơ giành những thắng lợi quyết định.

Thứ năm: phải luôn luôn chú trọng xây dựng đảng trong mọi hoàn cảnh, nâng cao sức chiến đấu và phát huy hiệu quả lãnh đạo của đảng.

5. Phát huy tinh thần cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN

5.1. Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của Đại thắng mùa Xuân 1975, động viên toàn thể dân tộc Việt Nam vững bước trên con đường xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực, như: đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc và an ninh chính trị, lao động sản xuất, nghiên cứu, học tập, xả thân cứu dân trong thiên tai, thảm họa, đoàn kết dân tộc, tương thân tương ái, gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc ...

5.2. Phát huy cao độ tinh thần quyết chiến, quyết thắng của Đại thắng mùa Xuân 1975 để vượt qua mọi khó khăn, thử thách, không chịu tụt hậu, từng bước tiến kịp thời đại, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, có vị thế xứng đáng trên thế giới. Khát vọng đó của dân tộc, cũng thiêng liêng và mãnh liệt như ý chí giành độc lập, thống nhất Tổ quốc.

5.3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới. Toàn dân đoàn kết, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, hoàn cảnh, chung sức, đồng lòng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường giáo dục giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ, tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy nội lực của đất nước với sự giúp đỡ, hợp tác với các nước, tận dụng triệt để các nguồn lực trong và ngoài nước; giải quyết hài hòa các nhiệm vụ đối nội và đối ngoại. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển, bảo vệ vững chắc độc lập,

chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

5.5. Giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng con người mới: Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào thế hệ trẻ sẽ nối tiếp xứng đáng sự nghiệp của các thế hệ đi trước trong điều kiện mới, tiến quân vào khoa học và công nghệ, vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ loài người, nâng tầm văn hóa trong cuộc sống, năng động sáng tạo trong học tập, lao động, kinh doanh, trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và các hoạt động văn hóa, xã hội, trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh và quốc phòng. Thế hệ thanh niên trước đây đã đảm đương xuất sắc vai trò xung kích trong Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và các cuộc kháng chiến; ngày nay là lực lượng xung kích, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5.6. Phát huy tri thức, kinh nghiệm quân sự, công tác tư tưởng trong Đại thắng mùa Xuân 1975 vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Quốc phòng vững mạnh sẽ góp phần trực tiếp vào việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm và tạo điều kiện quan trọng cho việc thực hiện những mục tiêu chiến lược của đất nước. Không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho mọi công dân nhằm khơi dậy, phát huy những giá trị truyền thống yêu nước của dân tộc trong điều kiện lịch sử mới.

IV. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1988)

Trong những năm đầu, vừa phải giải quyết hậu quả 30 năm chiến tranh; tiến hành chiến tranh bảo vệ biên giới Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; vừa bị các thế lực phản động quốc tế bao vây, cấm vận nghẹt ngào,... đất nước gặp vô vàn khó khăn, thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân tộc quyết tâm đồng lòng, nhanh chóng khôi phục sản xuất; xây dựng, củng cố chính quyền, ban hành Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và đạt được những thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, do cả nguyên nhân khách quan, chủ quan, đất nước rơi vào trì trệ, khủng hoảng kinh tế - xã hội. Từ năm 1975-1988, là thời gian Đảng ta tìm tòi con đường đổi mới. Đây là thời kỳ tư duy mới được hình thành từ thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam, cách mạng thế giới. Những thành tựu, hạn chế, khuyết điểm thời kỳ này đã để lại những bài học quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN những năm tiếp theo.

1. Chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả

1.1. Bối cảnh dẫn đến chiến tranh biên giới Tây Nam Tổ quốc

Kết thúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược mùa Xuân 1975, các nước và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình trên thế giới vui mừng, phần khởi trước thắng lợi của Việt Nam. Ngược lại, các thế lực đế quốc và phản động quốc tế lại vô cùng hằn học, tự coi đó là một thất bại đặc biệt nghiêm trọng, tìm

mọi cách bao vây, cấm vận, phá hoại đất nước ta. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có những diễn biến cực kỳ phức tạp.

Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cả nước bắt tay vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng CNXH. Tuy nhiên, do hậu quả chiến tranh để lại quá nặng nề, hàng triệu người thất nghiệp, phải xây dựng lại hệ thống chính quyền mới, đồng ruộng hoang hóa do bom mìn, chất độc hóa học; đồng thời, phải tập trung giải quyết và cải tạo hàng triệu ngụy quân, ngụy quyền, cùng với việc duy trì cơ chế kế hoạch hóa, bao cấp... dẫn đến tình trạng khó khăn chồng chất khó khăn. Lợi dụng điều kiện đó, ngay từ ngày 30/4/1975, tập đoàn Pôl Pôt - Iêng Xary đã có nhiều hoạt động khiêu khích, xâm phạm chủ quyền đất nước ta, mà điển hình là đánh chiếm đảo Thổ Chu, Phú Quốc ở Tây Nam bộ, Quảng Trục ở Tây Nguyên, giết hại hàng nghìn dân thường, phá hoại mùa màng vùng biên giới. Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều biện pháp để giải quyết vấn đề biên giới với Campuchia bằng con đường hòa bình, nhưng tập đoàn Pôl Pôt quyết thực hiện mưu đồ của mình. Ngày 30/4/1977, Tập đoàn Pôl Pôt - Iêng Xary tuyên bố công khai mở cuộc chiến tranh chống Việt Nam.

Quán triệt quan điểm, tư tưởng của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh “Giúp bạn là tự giúp mình”, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phối hợp cùng với các lực lượng yêu nước của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia mở đợt tổng phản công từ 23/12/1978 đến 7/1/1979, giải phóng đất nước, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng, mở ra sự hồi sinh cho cả một dân tộc. Ngày 7/1/1979 trở thành cột mốc không thể quên trong lịch sử dân tộc Campuchia và nhân loại.

1.2. Diễn biến cuộc chiến tranh

1.2.1. Giai đoạn 1: Ngăn chặn hoạt động gây hấn của Khmer Đỏ, giữ vững các địa bàn chiến lược biên giới Tây Nam (từ 1975 – 13/12/1978)

Sau tháng 4/1975, lực lượng Khmer Đỏ đã lên nắm quyền ở Campuchia. Ngay sau đó, Khmer Đỏ đã thi hành chính sách diệt chủng man rợ trong nước, chỉ trong vài năm hàng triệu người Campuchia đã bị giết hại.

Cũng trong thời kỳ này, quan hệ Việt Nam và Campuchia ngày càng xấu đi do chính sách phản động, hiếu chiến và kỳ thị dân tộc của nhà nước Campuchia dân chủ. Tập đoàn phản động Pôl Pôt - Iêng Xary đã có hành động hết sức dã man, tàn bạo, cướp bóc tài sản, giết hại và xua đuổi ngay lập tức trên 500.000 Việt kiều đã sinh sống lâu đời và có công xây dựng đất nước Campuchia về Việt Nam (5/1975). Đồng thời, gây tranh chấp và xung đột biên giới liên tục trong các năm 1977 và 1978, nhưng thực ra đã bắt đầu ngay sau khi Sài Gòn được giải phóng. Ngày 04/5/1975, một toán quân Khmer Đỏ đột kích, đánh chiếm đảo Phú Quốc và hành quyết hơn 500 dân thường ở đảo Thổ Chu.

Tiếp theo cuộc đột kích vào các đảo Thổ Chu và Phú Quốc, bên cạnh nhiều cuộc đột kích nhỏ, Khmer Đỏ tiến hành hai cuộc xâm nhập quy mô lớn vào Việt Nam. Cuộc tấn công lớn đầu tiên diễn ra vào tháng 4/1977, quân chính quy Khmer Đỏ tiến sâu 10 km vào lãnh thổ Việt Nam, chiếm một số vùng ở tỉnh An Giang và

tàn sát một số lớn dân thường. Cuộc tấn công thứ hai diễn ra vào ngày 25/9/1977, gồm 4 sư đoàn quân Khmer Đỏ đánh chiếm nhiều điểm ở các huyện: Tân Biên, Bến Cầu, Châu Thành (tỉnh Tây Ninh), đốt phá 471 ngôi nhà, làm gần 800 người dân bị giết, bị thương hoặc mất tích.

Trước tình hình đó, ngày 31/12/1977, Quân đội nhân dân Việt Nam sử dụng 6 sư đoàn đánh vào sâu trong đất Campuchia đến tận Neak Luong và ngày 05/01/1978 tiến hành rút quân khỏi Campuchia, cùng về Việt Nam có một số nhân vật quan trọng bên phía Campuchia, trong đó có ngài Hun Xen. Cuộc tấn công này là lời "cảnh cáo" cho Khmer Đỏ. Đảng, Nhà nước ta đề nghị giải pháp ngoại giao nhằm thiết lập vùng phi quân sự dọc biên giới, nhưng Pôl Pôt từ chối và giao tranh tiếp tục diễn ra.

1.2.2. Giai đoạn 2: Chiến dịch tổng phản công (13/12/1978 - 7/1/1979)

Phong trào yêu nước trong nhân dân Campuchia lớn mạnh nhanh chóng, các cuộc nổi dậy của quần chúng diễn ra ở nhiều nơi, dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia do ông Heng Xom-rin làm Chủ tịch. Vào ngày 02/12/1978 tại huyện Xnuôn, tỉnh Kra-ti-e, Mặt trận đã ra lời kêu gọi các nước: “Hãy cứu giúp chúng tôi, không phải chỉ cứu giúp mấy vạn người tị nạn, mà phải cứu giúp cả một dân tộc”. Thề theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia, từ ngày 13/12/1978, Quân tình nguyện Việt Nam với 16 sư đoàn bộ binh, 01 sư đoàn không quân, lữ đoàn, 4 trung đoàn thuộc các quân đoàn: 2, 3, 4 và các quân khu: 5, 7, 9 và 6 tiểu đoàn của LLVT cách mạng Campuchia. tiến hành tổng phản công giải phóng các tỉnh miền Đông Campuchia, giải phóng thủ đô Phnom Penh (07/01/1979) và toàn bộ đất nước, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng, xây dựng lại đất nước, củng cố mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

1.2.3. Giai đoạn 3: Giúp bạn xây dựng và củng cố chính quyền mới (từ 7/1/1979 đến cuối năm 1989)

- Giúp bạn xây dựng và củng cố chính quyền mới

Trong công cuộc xây dựng đất nước và khắc phục hậu quả chiến tranh, theo đề nghị của Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia (nay là Đảng Nhân dân Campuchia) Hội đồng Nhân dân cách mạng Campuchia đề nghị Việt Nam giúp đỡ xây dựng chính quyền mới. Đảng và Nhà nước ta đã quyết định đưa các đoàn chuyên gia sang cùng nhân dân Campuchia khắc phục các hậu quả do bọn diệt chủng để lại, giúp xây dựng các cơ sở ban đầu để phát triển đất nước, theo tinh thần: Bộ giúp bộ, ngành giúp ngành, địa phương giúp địa phương; chuyên gia Việt Nam có từ trung ương tới các xã, trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước Campuchia. Ngày 8/1/1979, Hội đồng Nhân dân Cách mạng Campuchia do ngài Heng Samrin làm Chủ tịch được thành lập. Hiến pháp mới của Campuchia được thông qua vào mùa xuân năm 1981, sau đó diễn ra cuộc bầu cử toàn quốc để chọn ra 117 đại biểu Quốc hội. Ngài Hun Xen được bầu làm Bộ trưởng Ngoại giao, ngài Heng Samrin được bầu làm Chủ tịch nước.

- *Truy quét tàn quân Khmer Đỏ*

Nhờ sự trợ giúp của nước ngoài, từ chỗ chỉ còn là những nhóm du kích hồi cuối năm 1979, đến cuối năm 1980 lực lượng Khmer Đỏ đã hồi phục nhanh, với quân số tăng từ 20.000 lên 40.000. Đến cuối năm 1981, chiến tranh du kích của Khmer Đỏ thực hiện tại Campuchia lan rộng ở nhiều khu vực. Chúng liên tục tổ chức các trận phục kích nhỏ lẻ, gây rối, quấy nhiễu làm cho tình hình Campuchia tiếp tục phức tạp.

Với tinh thần quốc tế cao cả, Quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp với lực lượng cách mạng của Campuchia và quân đội Bạn mở các chiến dịch triệt hạ các căn cứ của Khmer Đỏ. Đặc biệt là mùa khô năm 1984 - 1985, Quân đội ta đã mở chiến dịch lớn chưa từng có tại Phnom Malai.

Năm 1988, Cộng hòa Nhân dân Campuchia đã đủ mạnh để tự bảo vệ. Ngày 30/6/1988, Lễ tiễn trọng thể Bộ Tư lệnh, các cơ quan của Bộ Tư lệnh 719 và chuyên gia quân sự Việt Nam về nước diễn ra ở Phnôm Pênh với sự chứng kiến của 05 vạn nhân dân Campuchia và 200 nhà báo các nước. Cùng thời gian, ở các hướng khác, 05 vạn cán bộ, chiến sĩ Quân tình nguyện Việt Nam đã hoàn thành nhiệm vụ trở về Tổ quốc. Lực lượng Quân tình nguyện còn ở lại đặt dưới quyền lãnh đạo và chỉ đạo, chỉ huy của Bộ Chính trị, Bộ Quốc phòng Campuchia. Tháng 12/1989, Quân đội Việt Nam hoàn thành sứ mệnh cao cả, rút quân toàn bộ khỏi Campuchia về nước.

2. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm

2.1. Nguyên nhân thắng lợi

- Đảng, Nhà nước ta có đường lối, chủ trương, sách lược đúng đắn, có đường lối chiến tranh nhân dân, có nghệ thuật quân sự, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong thời kỳ mới. Đây là cuộc đấu tranh vì sự nghiệp chính nghĩa cao cả của hai dân tộc chống lại chế độ diệt chủng man rợ nhất trong lịch sử hiện đại của nhân loại.

- Quân và dân cả nước luôn đề cao cảnh giác, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

- Lực lượng vũ trang mà nòng cốt là quân đội nhân dân luôn trung thành tuyệt đối với Đảng, chế độ và nhân dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần chiến đấu cao, phát huy cao độ bản chất tốt đẹp của “Bộ đội cụ Hồ” trong điều kiện mới, đập tan mưu đồ xâm lược của kẻ thù, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

- Biết khơi dậy và phát huy cao độ tinh thần quốc tế vô sản, truyền thống đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam và Campuchia trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung.

- Luôn có sự giúp đỡ, ủng hộ to lớn cả về vật chất lẫn tinh thần của hệ thống XHCN, của nhân loại yêu chuộng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, đặc biệt là của nhân dân Xô - Viết trong cuộc chiến tranh này.

Đặc biệt, có được chiến thắng chế độ diệt chủng, chúng ta không thể không nhắc tới sự hy sinh vô điều kiện vô điều kiện của bộ đội tình nguyện Việt Nam - những người đã cống hiến cả tuổi xuân, xương máu của mình cho sự bình yên của đất nước và cho sự hồi sinh của dân tộc Campuchia anh em.

2.2. Ý nghĩa

- *Đối với Campuchia*, chiến thắng ngày 07/1/1979 đánh dấu việc xoá bỏ hoàn toàn một chế độ tàn ác, man rợ, giải thoát người dân khỏi hoạ diệt chủng, khép lại một giai đoạn lịch sử đau thương, mở ra một kỷ nguyên mới, độc lập, hoà bình, tự do và phát triển. Việc đập tan chế độ diệt chủng Pôl Pôt còn là một minh chứng cho tình hữu nghị, đoàn kết giữa nhân dân và quân đội hai nước Việt Nam - Campuchia, tinh thần sẵn sàng giúp đỡ nhau khi khó khăn, hoạn nạn.

- *Đối với Việt Nam*, chiến thắng chế độ diệt chủng Pôl Pôt không chỉ khẳng định quyết tâm trừng trị thích đáng những hành động tráo trở, gây hấn của kẻ thù, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ quốc gia thiêng liêng, mà còn là thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế cao cả, trong sáng, vô tư đối với nhân dân Campuchia. Điều này đã được chính Thủ tướng Hun Sen khẳng định: “Sự hiện diện của quân đội Việt Nam ở Campuchia là vì sự sống còn của nhân dân Campuchia,... Bộ đội Việt Nam đã hy sinh tính mạng vì sự sống, sự hồi sinh của nhân dân Campuchia”. Chiến thắng ngày 07/01/1979 là chiến thắng của quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia.

- *Đối với thế giới*, chiến thắng chế độ diệt chủng Pôl Pôt đã góp phần giữ vững hoà bình khu vực Đông Nam Á và trên thế giới; đồng thời, vạch trần bản chất phản động, hiếu chiến, phân biệt chủng tộc, sắc tộc, chế độ độc tài của Khmer Đỏ, rung hồi chuông cảnh báo cho nhân loại trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít mới.

2.3. Bài học kinh nghiệm

Một là, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, bám sát, nắm chắc diễn biến tình hình, có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, chủ động ứng phó với mọi tình huống chiến lược xảy ra.

Hai là, củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc vững mạnh. Thường xuyên chăm lo xây dựng LLVT có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao.

Ba là, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là ở những địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Năm là, chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáu là, củng cố truyền thống đoàn kết, hữu nghị đặc biệt giữa Việt Nam - Campuchia và Việt Nam - Campuchia - Lào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì hòa bình và phát triển của mỗi nước.

Bây là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm tạo sự ủng hộ to lớn của dư luận quốc tế, cô lập đối phương và bảo vệ hành động tự vệ chính nghĩa của ta.

2. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc tháng 02 năm 1979

Việt Nam và Trung quốc là hai quốc gia núi liền núi, sông liền sông, có chung biên giới trên bộ và trên biển. Đường biên giới trên bộ chung nhau con số chính xác là 1.449,5 km, tiếp giáp giữa 7 tỉnh của Việt Nam với 2 tỉnh của Trung Quốc (Yên Bái và Quảng Tây); hai nước “ăn đờ, ở kiếp” với nhau. Ngày nay 2 nước vừa là đồng chí, vừa là anh em. Chính từ mối quan hệ đa chiều đó đã tạo nên sự gắn bó, tương tác về văn hóa, lịch sử giữa 2 nước. Tuy nhiên, bên cạnh sự tương đồng, trong quan hệ hai nước cũng còn nhiều điều bất đồng đã làm cho quan hệ có những thời điểm phức tạp và nhạy cảm.

Nhìn lại quan hệ Việt Nam và Trung quốc, lịch sử đã ghi nhận, có tới 14 lần giặc phương Bắc xâm lược nước ta (bao gồm cả quân Nguyên Mông). Cuộc xâm lược đầu tiên cách đây hơn 2.000 năm trước công nguyên của nhà Ân; thứ 2, nhà Tần; thứ 3, nhà Tây Hán; thứ 4, nhà Đông Hán; thứ 5, nhà Lương; thứ 6, nhà Nam Hán (Năm 936, Hoàng Thao đã bị Ngô Quyền đánh bại trên sông Bạch Đằng); thứ 7, Nhà Tống lần 1; thứ 8, Nhà Tống lần 2; lần thứ 9, thứ 10, thứ 11 (3 lần đánh tan quân Nguyên Mông); thứ 12, Nhà Minh (Liễu Thăng đã bị quân Lê Lợi đánh toi bời, rơi đầu ở ải Chi Lăng); thứ 13, Nhà Thanh (Tôn Sĩ Nghị kéo 20 vạn quân đánh chiếm Thăng Long đã bị Hoàng đế Quang Trung đánh tan tác, giặc tào rút chạy, chết đuối chạt sông Hồng) và *thứ 14 xảy ra vào ngày 17/02/1979.*

2.1. Lý do Trung Quốc tấn công quân sự trên toàn tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam

- *Thứ nhất:* Do sự đảo chiều trong quan hệ tam giác chiến lược “Mỹ - Xô - Trung”; Trung Quốc từ quan hệ “thân Xô, chống Mỹ” sang “thân Mỹ, chống Xô” và Việt Nam trở thành hệ lụy của sự đảo chiều trong quan hệ tam giác chiến lược này.

- *Thứ 2:* Do quân tình nguyện Việt Nam cùng với Mặt trận dân tộc cứu quốc Campuchia lật đổ chế độ phản động Pôn Pốt ở Campuchia - Pôn Pốt là một “con bài” trong chiến lược Đông Nam á của Trung Quốc.

- *Thứ 3:* Cái mà Trung Quốc lu loa rằng, “Việt Nam xua đuổi người Hoa” chẳng qua chỉ là “cái cớ” để Trung Quốc cắt viện trợ, dừng quan hệ ngoại giao, thực thi chính sách thù địch đối với Việt Nam.

- *Thứ 4:* Do mâu thuẫn trong nội bộ Trung Quốc thời điểm đó hết sức phức tạp; tấn công quân sự trên toàn tuyến biên giới Việt Nam để Trung Quốc đẩy mâu thuẫn ra biên giới, đóng cửa giải quyết vấn đề nội bộ.

Từ những vấn đề quốc tế, khu vực và nội bộ của Trung Quốc hết sức phức tạp như vậy; lợi dụng sự khó khăn của Việt Nam trong giai đoạn khắc phục hậu

quả chiến tranh, Trung Quốc đã bất ngờ mở cuộc tiến công xâm lược trên toàn tuyến biên giới phía Bắc nước ta.

2.2. Mục đích của Trung Quốc

- Đề “trả đũa” quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia; ép Việt Nam phải điều chuyển quân từ Campuchia về nước, để giải nguy và “lấy lòng” đối với tập đoàn phản động Pôn Pốt và để thể hiện chính sách thân Mỹ của Trung Quốc.

- Là một phép thử phản ứng của Trung Quốc đối với Liên Xô, thăm dò xem khả năng chi viện của Liên Xô cho Việt Nam như thế nào (Năm 1978, Việt Nam và Liên Xô đã ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác; trong đó, có một điều khoản: *Trong trường hợp một trong hai bên bị đe dọa tiến công thì hai bên sẽ lập tức trao đổi với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực đảm bảo hòa bình và an ninh của hai nước*).

- Nhằm làm suy yếu Việt Nam và qua đó để Trung Quốc đánh giá sức mạnh thực chất của Quân giải phóng, đồng thời tranh thủ Mỹ và phương Tây triển khai thực hiện “4 hiện đại hóa” (Nông nghiệp, công nghiệp, quân đội và Khoa học kỹ thuật).

- Nhằm đe dọa, thị uy các nước Đông Nam Á.

Thực hiện mục đích đó, Trung Quốc không chỉ sử dụng hai quân khu tiếp giáp với Việt Nam là Quảng Châu và Côn Minh, mà còn điều lực lượng từ Quân khu Vũ Hán và Thành Đô để tăng cường, với binh lực tham chiến trực tiếp lên tới 28 sư đoàn chủ lực, 2 sư đoàn và nhiều trung đoàn, tiểu đoàn địa phương, biên phòng và dân binh; tổng cộng khoảng 600.000 quân; 550 xe tăng, thiết giáp; 2.000 khẩu pháo, cối, hỏa tiễn. 948 máy bay và 300 tàu chiến của Hạm đội Nam Hải được đặt trong tình trạng báo động cao.

2.3. Tóm tắt diễn biến cuộc chiến

2.3.1. Về tương quan lực lượng

- **Trung Quốc**, sử dụng 9 quân đoàn chủ lực và một số sư đoàn bộ binh độc lập (tổng cộng 32 sư đoàn), 6 trung đoàn xe tăng, 4 sư đoàn và nhiều trung đoàn pháo binh, phòng không. Lực lượng được huy động khoảng trên 30 vạn binh sĩ, 550 xe tăng, 480 khẩu pháo, 1.260 súng cối và dàn hỏa tiễn, chưa kể hơn 200 tàu chiến của hạm đội Nam Hải và 1.700 máy bay sẵn sàng phía sau. Đây là đợt huy động quân sự lớn nhất của Trung Quốc kể từ Chiến tranh Triều Tiên, tổng cộng có 60 vạn quân tham gia. Ngoài lực lượng quân chính quy, Trung Quốc còn huy động hàng chục vạn dân công và lực lượng dân binh ở các tỉnh biên giới để tải đồ tiếp tế, phục vụ, tải thương, hỗ trợ quân chính quy phục vụ cho chiến dịch. Chỉ riêng tại Quảng Tây đã có đến 215.000 dân công được huy động.

- **Việt Nam**, có khoảng 70.000 quân. Trong thời điểm này, các đơn vị chủ lực (3 trong số 4 quân đoàn) đang chiến đấu ở Campuchia, nên phòng thủ ở biên giới giáp Trung Quốc chỉ có một số sư đoàn chủ lực quân khu của QK1 và QK2 cùng các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện, công an vũ trang (biên phòng) và dân quân tự vệ. Lực lượng tinh nhuệ nhất của ta lúc đó đóng ở biên giới

Việt-Trung là Sư đoàn 3/QĐ1 (đóng tại Lạng Sơn) và sư đoàn 316A (đóng tại Sa Pa); ngoài ra còn có các sư đoàn 346 ở Cao Bằng (chủ yếu làm nhiệm vụ kinh tế), 325B ở Quảng Ninh, 345 ở Lào Cai, 326 ở Phong Thổ, Lai Châu. Ngày 27/2/1979, Quân đoàn 2 được lệnh cơ động từ phía Nam ra để chiến đấu bảo vệ miền Bắc, đến ngày 5/3/1979 bắt đầu triển khai trên hướng Lạng Sơn, nhưng chưa kịp tham chiến thì Trung Quốc tuyên bố rút quân, Quân đoàn 1 lúc này vẫn đóng quân quanh Hà Nội, sẵn sàng chờ lệnh nhận nhiệm vụ chiến đấu.

2.3.2. Diễn biến: Cuộc chiến đấu được chia thành 03 giai đoạn

a) Giai đoạn 1: từ 17/02 đến 23/02/1979.

Ngay từ sáng sớm ngày 17/2/1979, Trung Quốc đưa 600.000 quân, chia thành hai hướng tiến đánh toàn tuyến biên giới giáp Việt Nam. Chúng dùng chiến thuật biển người (*dàn hàng ngang, hò hét, thổi kèn, khua chiêng, gõ mõ ầm ỹ*) tiến sang đất Việt Nam. Lúc đầu với lợi thế chủ động lại được những người Hoa đang sinh sống trên đất Việt Nam dẫn đường nên quân Trung Quốc tiến khá nhanh; nhưng sau đó đã bị quân và dân ta chống trả quyết liệt trong giai đoạn đầu này quân TQ đã bị thương vong nặng nề.

b) Giai đoạn 2: Từ 23/02/1979 đến 05/03/1979.

Trung Quốc tập trung quân tấn công đánh chiếm thị xã Lạng Sơn.

Ngày 25/2/1979, ta thành lập Quân đoàn 14 tại khu vực Đồng Mỏ Lạng Sơn. Khi tiến vào thị xã Lạng Sơn, chúng đã bị quân dân ta đánh trả, chúng bị thiệt hại nặng nề. Quân Trung Quốc rất đông nhưng vũ khí, tác chiến, chiến thuật rất lạc hậu.

c) Giai đoạn 3: từ 05/03/1979 đến 18/03/1979.

Sáng 5/3/1979, Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát bản tin đặc biệt thông báo Lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng. Chiều cùng ngày phía Trung Quốc bất ngờ tuyên bố rút quân và rêu rao rằng, đã hoàn thành mục tiêu “dạy cho Việt Nam một bài học”. Việt Nam đã tuyên bố, đồng ý cho Trung Quốc rút quân.

Tuy tuyên bố rút quân nhưng trên thực tế, cuộc chiến biên giới phía Bắc kéo dài, dai dẳng trong suốt 10 năm từ 1979 - 1989. Mặt trận Vị Xuyên, Hà Tuyên (nay là Hà Giang) trở thành vùng chiến sự ác liệt, đẫm máu nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc chống quân Trung Quốc xâm lược. Ở Vị Xuyên, có khoảng hơn 5.000 chiến sĩ của ta hy sinh, đến nay hơn 3.000 người chưa tìm thấy hài cốt; trong nghĩa trang liệt sĩ Vị Xuyên có gần 1.800 mộ liệt sĩ nhưng tới 700 ngôi mộ liệt sĩ chưa xác định được tên tuổi. Hiện còn rất nhiều hài cốt của bộ đội ta hy sinh đang phải nằm lại trong những hốc đá, khe núi ở Vị Xuyên mà chưa thể lấy ra được. Nơi đó, các Cựu chiến binh đã khắc vào đá núi, Lờn thề 9 chữ của người lính Vị Xuyên: “SỐNG BẮM ĐÁ, CHẾT HÓA ĐÁ, THÀNH BẤT TỬ”.

2.4. Bài học rút ra từ cuộc chiến tranh biên giới tháng 02/1979

Thứ nhất, đoàn kết toàn dân, cả nước một lòng đánh giặc; phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; mỗi một

người dân là một chiến sĩ; mỗi bản làng, xí nghiệp, nông trường, hợp tác xã, thị xã, quận, huyện là một pháo đài kiên cường chống giặc. Mỗi tỉnh, thành là một đơn vị chiến lược (khu vực phòng thủ chiến lược), cả nước ta là một chiến trường rộng lớn có đủ sức mạnh tiêu diệt quân địch.

Thứ hai, xây dựng Quân đội ta có những binh đoàn chủ lực hùng mạnh, có sức đột kích lớn, khả năng cơ động cao, sức chiến đấu mạnh, vũ khí phương tiện hiện đại, tính kỷ luật nghiêm thì dù kẻ địch đông như thế nào, hung hãn đến đâu và được trang bị như thế nào của bị đánh bại.

Thứ ba, phát huy sức mạnh của thế trận chiến tranh nhân dân, phối hợp chặt chẽ lực lượng chiến đấu tại chỗ của nhân dân và ba thứ quân để đánh giặc. Vừa chiến đấu vừa rèn luyện, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, nâng cao kỷ luật trong toàn quân, làm chủ mọi thứ binh khí kỹ thuật hiện đại, nâng cao trình độ hiệp đồng tác chiến, tạo nên chất lượng chiến đấu cao, sức mạnh và hiệu lực chiến đấu thật lớn, làm tròn xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, đánh giá đúng địch, biết địch, biết ta, biết mạnh, biết yếu, biết vững, biết nguy, biết rõ kẻ thù, biết sâu về mình; lấy đó làm cơ sở để thực hiện chiến lược làm chủ đất nước để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giữ vững quyền làm chủ đất nước. Làm chủ chiến trường trong từng trận chiến đấu, trong từng hướng chiến dịch cũng như trong toàn bộ cuộc chiến tranh.

Thứ năm, luôn luôn chủ động, quán triệt tư tưởng tiến công, kiên quyết và linh hoạt, giỏi đánh địch bằng mọi hình thức, tiến công dũng mãnh, phản công kiên quyết, phòng ngự ngoan cường. Bất luận trong tình hình so sánh lực lượng như thế nào, điều kiện và phương tiện vũ khí như thế nào đều phải tạo nên sức mạnh tổng hợp áp đảo, đánh địch trên thế mạnh, giành chủ động về ta, dồn địch vào thế bị động.

Thứ sáu, khai thác triệt để kinh nghiệm lịch sử về nghệ thuật quân sự độc đáo của dân tộc; chủ động, toàn diện ngay trong công cuộc chuẩn bị từ thời bình, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của chiến tranh, nhất là chiến tranh công nghệ cao; tiếp tục sáng tạo, không ngừng phát triển nghệ thuật quân sự Việt Nam mới hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979, cho chúng ta rút ra bài học biện chứng về đối tượng và đối tác: trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta, cần phải đấu tranh.

V. THÀNH TỰU TO LỚN CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XHCN

1. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, đưa đất nước đi lên CNXH.

Đại hội VI của Đảng (12/1986) đề ra đường lối đổi mới, tạo bước ngoặt quyết định đến sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Từ Đại hội lần thứ VII đến Đại hội lần thứ XII, Đảng ta luôn khẳng định tiếp tục đổi mới đồng bộ, toàn diện, với những bước đi, cách làm phù hợp, giữ vững định hướng XHCN. Đảng ta

khẳng định, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng; không ngừng phát triển tư duy lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; từng bước củng cố và hoàn thiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Đến nay (2024), đất nước ta đã giành được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; kinh tế phát triển bền vững; chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh, đối ngoại được tăng cường. Vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, không khí dân chủ mở rộng, văn hóa, xã hội phát triển không ngừng. Việt Nam đã vượt qua ngưỡng nước nghèo, chậm phát triển trở thành nước có thu nhập trung bình; đang thực hiện có hiệu quả mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế,...

Công cuộc đổi mới là cuộc cách mạng trong thời kỳ mới, sự nghiệp sáng tạo của nhân dân ta. Con đường đi lên CNXH của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

2. Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững

Để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước phát triển bền vững, chúng ta cần tiếp tục vận dụng và phát huy những bài học kinh nghiệm cơ bản sau:

Một là, Giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH - ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ biện chứng.

Hai là, Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân; quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ XHCN và của Đảng.

Ba là, Không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đó là truyền thống quý báu, là nguồn sức mạnh vô địch của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công.

Bốn là, Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng kiên định ý chí độc lập, tự chủ; nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế; phát huy cao độ nội lực, tranh thủ ngoại lực, kết hợp truyền thống với hiện đại.

Năm là, Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ra sức phấn đấu xây dựng, phát triển đất nước theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (sửa đổi năm 2013). Thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phấn đấu thực hiện các mục tiêu: Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã XHCN; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực, động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững. Không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân; rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước tiên tiến trong khu vực, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế; phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp tục tạo nền tảng vững chắc để đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để đạt được mục tiêu trên, trước mắt cần thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

- Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

- Thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nhanh nguồn lực, nhất là nguồn lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

- Thu hút và phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, sức sáng tạo của nhân dân; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Coi trọng xây dựng nền văn hóa Việt Nam và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Phần thứ tư

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM ANH HÙNG

“Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh

I. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM - 80 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

1. Quân đội nhân dân Việt Nam - vai trò nòng cốt của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Tháng 12/1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 chiến sĩ. Ngày 25/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã chiến thắng trận Phai Khắt, Nà Ngần đã mở đầu cho truyền thống đánh là chắc thắng, thắng ngay từ trận đầu của quân đội ta.

Tháng 4/1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang cả nước (Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu Quốc quân và các tổ chức vũ trang khác) thành lập Việt Nam Giải phóng quân. Ngày 15/5/1945, tại Định Biên Thượng, Định Hóa, Thái Nguyên, đồng chí Võ Nguyên Giáp được Trung ương phân công đảm nhận cương vị Tư lệnh các lực lượng vũ trang. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong 15 ngày cuối tháng 8/1945, lực lượng vũ trang đã làm nòng cốt cho phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam Giải phóng quân được đổi tên thành Vệ Quốc quân. Năm 1946, Vệ Quốc quân đổi tên thành Quân đội Quốc gia Việt Nam. Năm 1950, đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

a. Tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 -1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân mới ra đời đã phải đứng trước một tình thế vừa phải củng cố chính quyền, vừa chống “giặc đói”,

“giặc đốt” và “giặc ngoại xâm”. Ở Nam Bộ, ngày 23/9/1945, được quân Anh giúp sức, thực dân Pháp trắng trợn gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ Hai. Tại Bắc Bộ và Trung Bộ, từ cuối tháng 8 - 10/1945, được đế quốc Mỹ làm hậu thuẫn, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng hầu hết các thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân đội ta vừa xây dựng, vừa chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ vững chắc chính quyền nhân dân.

b. Tham gia toàn quốc kháng chiến, đánh bại thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946-1954)

Ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động hơn 2 vạn quân tinh nhuệ có máy bay, tàu chiến hỗ trợ, mở cuộc tiến công lớn lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta. Với quyết tâm và tinh thần quyết thắng, Quân đội ta đã lập nên Chiến thắng Việt Bắc, làm phá sản chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp; bảo vệ cơ quan đầu não và căn cứ của cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển sang thời kỳ mới. Cuối năm 1949 đầu năm 1950, Đảng đã đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị lực lượng để chuyển sang tổng phản công. Tháng 6/1950, ta mở chiến dịch Biên Giới, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới Việt - Trung, mở rộng, củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa. Đầu tháng 9/1952, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc, nối thông được vùng giải phóng Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc và Thượng Lào. Ta giữ vững thế chủ động tiến công, làm thất bại âm mưu mở rộng chiếm đóng của địch.

Tháng 9/1953, ta mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Thực hiện tư tưởng tiến công chiến lược, quân và dân ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, nắm quyền chủ động trên các chiến trường Đông Dương và làm phá sản âm mưu tập trung lực lượng cơ động của Na-va, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó ở khắp nơi. Kế hoạch Na-va từng bước bị phá sản. Ngày 06/12/1953, ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giáng đòn quyết định, tạo bước ngoặt lịch sử, trực tiếp đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về “đình chỉ chiến sự ở Việt Nam”, lập lại hòa bình ở Đông Dương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng tháng Tám.

3. Quân đội nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Sau tháng 7/1954, Quân đội ta là “trụ cột bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình”. Nhiệm vụ và phương châm là: Tích cực xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước lên chính quy, hiện đại. Ở miền Nam, ngày 15/2/1961, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam

Từ năm 1961 đến 1965, Quân đội ta đã cùng đồng bào cả nước, trực tiếp là đồng bào miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta bước sang một giai đoạn mới. Từ 1965 đến 1968, Cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ Nhất của đế quốc Mỹ. Giữa lúc cuộc chiến tranh leo thang của đế quốc Mỹ đến đỉnh cao nhất, Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968). Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 và cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ Nhất của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc đã giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

Từ năm 1969, đế quốc Mỹ chuyển sang thi hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Quân và dân ta đã phối hợp chặt chẽ với nhân dân Lào và Campuchia chiến đấu, giành được những thắng lợi to lớn trên chiến trường ba nước Đông Dương trong Xuân - Hè 1971. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ bị thất bại một bước nghiêm trọng. Đầu năm 1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, dồn Mỹ và nguy quyền Sài Gòn vào thế yếu trầm trọng. Ngày 06/4/1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân mở cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc lần thứ Hai. Với tinh thần dũng cảm, bằng cách đánh mưu trí, linh hoạt, quân và dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc tập kích chiến lược lần thứ Hai bằng B52 của Mỹ, lập nên kỳ tích “Điện Biên Phủ trên không” tại bầu trời Hà Nội. Thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Bắc và Nam, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam.

Ngày 27/01/1973 Hiệp định Pari được ký kết, nhưng đế quốc Mỹ chưa chịu từ bỏ âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương giải phóng miền Nam, ngày 04/3/1975, Quân đội ta mở chiến dịch Tây Nguyên - mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Ngày 10 và 11/3/1975, quân ta tiến công, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột. Tiếp đó, từ 14/3 đến 3/4/1975, quân ta tiến công, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên. Ngày 05/3/1975, ta mở chiến dịch Trị - Thiên - Huế, giải phóng tỉnh Quảng Trị (19/3); từ ngày 21-25/3/1975, quân ta tiến công, giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, tiêu diệt và làm tan dã toàn bộ quân địch trên chiến trường Trị -Thiên. Từ ngày 26 - 9/3/1975, ta mở chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà và thị xã Hội An (29/3), làm thay đổi hẳn cục diện và so sánh thế trận lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Ngày 01/4/1975, giải phóng Bình Định, Phú Yên. Ngày 03/4/1975, giải phóng Khánh Hòa nối liền vùng giải phóng từ Tây Nguyên, Trị Thiên và các tỉnh Trung Bộ.

Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, ngày 26/4/1975, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công đồng loạt vào các mục tiêu, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. Bắt đầu từ 5 giờ sáng ngày 30/4/1975, quân ta mở đợt tiến công cuối cùng, đến 10 giờ 45 phút, phân đội xe tăng thọc sâu của Quân đoàn 2 đã tiến vào dinh Độc Lập. Ta bắt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Cờ Tổ quốc tung bay trước tòa nhà chính của dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút. Ngày 30 tháng 4 và 1 tháng 5, bộ đội chủ lực và

lực lượng vũ trang các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các Quân khu 8 và 9 năm thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ địch, giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, vùng biển và các đảo ở Tây Nam của Tổ quốc. Hơn một triệu quân đội Sài Gòn và cả bộ máy chính quyền địch bị đập tan, chế độ thực dân mới được Mỹ dốc sức xây dựng trong hơn 20 năm với 5 đời tổng thống đã hoàn toàn sụp đổ.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân Việt Nam cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4. Quân đội nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - nay)

Quân đội ta thực hiện nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của nước Việt Nam thống nhất; đồng thời, “tích cực tham gia sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”. Quân đội ta nắm chắc và dự báo đúng tình hình; chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách quốc phòng-an ninh, bảo vệ Tổ quốc, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược. Trong nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, Quân đội đã duy trì và thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu; tinh táo, chủ động và kiên quyết đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân và thành quả cách mạng. Trong nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, Quân đội đã đạt được những thành tựu mới trên tất cả các lĩnh vực. Trong công tác dân vận, quân đội đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế-xã hội; tích cực giúp dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, quân đội đã triển khai đầy mạnh toàn diện, đồng bộ và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trải qua gần 80 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, phục vụ, Quân đội ta đã lập nên những chiến công sáng ngời, tô thắm truyền thống quyết chiến, quyết thắng của “Bộ đội Cụ Hồ”. Đó là Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng luôn Trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng; gắn bó máu thịt với nhân dân; đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

II. 35 NĂM THỰC HIỆN NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22/12/1989 - 22/12/2024)

Ngày 17/10/1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) đã ra Chỉ thị số 381-CT/TW quyết định lấy Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12) là Ngày hội Quốc phòng toàn dân - Ngày hội truyền thống bảo vệ Tổ quốc, ngày hội tôn vinh và nhân lên hình ảnh cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” - Nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Gần 35 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng nổi bật.

Một là, Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc XHCN cho toàn xã hội và sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân.

Hai là, Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng XHCN, bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ba là, Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường, tăng thêm khả năng ngăn chặn và loại trừ nguy cơ chiến tranh và đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh và các tình huống xâm phạm an ninh quốc gia.

Bốn là, Hình thành thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh Nhân dân bảo vệ Tổ quốc được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn; “thể trận lòng dân” được củng cố vững chắc.

Năm là, Lực lượng vũ trang, nòng cốt là Quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để chúng ta ôn lại lịch sử vẻ vang của dân tộc và những chiến công oanh liệt của quân và dân ta; khơi dậy niềm tự hào dân tộc, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách; ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận Quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; là lực lượng chính trị tin cậy, đội quân chiến đấu trung thành của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Phần thứ năm

CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM “TRUNG THÀNH - ĐOÀN KẾT - GUỒNG MẪU - ĐỔI MỚI”

I. SỰ RA ĐỜI HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

1. Tình hình thế giới, trong nước

Tình hình thế giới: Từ cuối những năm 80 và đầu những năm 90, công cuộc cải tổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu thất bại. Các nước này thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập, phủ định sạch trơn quá khứ cách mạng, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản, Chủ nghĩa Mác - Lênin, khủng hoảng chính trị ngày càng trầm trọng, xã hội ngày càng hỗn loạn, dẫn đến sụp đổ.

Tình hình trong nước: Từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX, nước ta lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đất nước lại phải tiến hành hai cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc ở biên giới Tây Nam và phía Bắc. Sự sụp đổ hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu tác động sâu sắc đến nước ta. Cán bộ, đảng viên và nhân dân lo lắng; một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của CNXH,... Việt Nam đứng trước thử thách hiểm nghèo; nhiệm vụ bảo vệ đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ đặt ra hết sức nặng nề.

2. Sự ra đời Hội Cựu chiến binh (CCB) Việt Nam

Trong bối cảnh nêu trên, đội ngũ CCB, với bản lĩnh chính trị vững vàng, tâm huyết, trách nhiệm đối với vận mệnh của Tổ quốc, thiết tha mong muốn nhanh chóng tập hợp lực lượng CCB Việt Nam vào một tổ chức thống nhất, hợp pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng để động viên nhau giữ gìn và phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tiếp tục đóng góp có hiệu quả hơn cho sự nghiệp bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ XHCN, đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức, giúp nhau khắc phục đói nghèo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của CCB, đấu tranh chống lại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, ở một số địa phương trong nước đã xuất hiện một số tổ chức tự nguyện, như: Câu lạc bộ CCB; Ban Liên lạc truyền thống; Ban Liên lạc đồng đội, đồng ngũ,... nhằm giúp nhau giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, giúp nhau trong cuộc sống đời thường. Nhiều ban liên lạc, câu lạc bộ đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề nghị Đảng, Nhà nước cho phép thành lập tổ chức Hội CCB trong cả nước, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Năm 1986, Đại hội VI của Đảng với quan điểm đổi mới toàn diện đất nước đã tạo điều kiện thuận lợi để thành lập Hội CCB Việt Nam. Ngày 06/12/1989, căn cứ Tờ trình của Ban Bí thư, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã quyết định cho thành lập Hội CCB Việt Nam (Ngày 06/12 là Ngày truyền thống của Hội CCB Việt Nam). Ngày 03/02/1990, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Quyết định số 100-QĐ/TW cho thành lập Hội CCB Việt Nam, chỉ định Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Hội CCB Việt Nam, do đồng chí Thượng tướng Song Hào làm Chủ tịch, có nhiệm vụ dự thảo Điều lệ Hội CCB và các tài liệu khác để trình Đại hội lần thứ Nhất, bầu Ban chấp hành Trung ương chính thức, giúp các tỉnh, thành phố hình thành tổ chức lâm thời, thực hiện thu nạp hội viên và chuẩn bị đại hội, làm các thủ tục cần thiết để tổ chức Hội CCB Việt Nam. Ngày 24/02/1990, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) cho phép thành lập Hội CCB Việt Nam (Giấy phép số 528/NC). Ngày 14/4/1990, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam ra Quyết định số 5112-QĐ/MTTQ công nhận Hội CCB là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỘI CCB VIỆT NAM

1. Tính chất và mục đích hoạt động của Hội CCB Việt Nam

a. Tính chất:

- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị (khoá IX) Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCB trong giai đoạn cách mạng mới, chỉ rõ: “Hội CCB Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Hội” -

- Điều 1, Điều lệ Hội CCB Việt Nam, khoá VII, chỉ rõ: “Hội CCB Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo, hoạt động theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Điều lệ Hội”

b. Mục đích:

- Chỉ thị 23/CT-TW, ngày 22/4/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, chỉ rõ: “Mục đích của Hội CCB Việt Nam là giữ gìn, phát huy truyền thống chiến đấu cách mạng của các chiến sĩ QĐND Việt Nam, đoàn kết, tương trợ các CCB, góp phần vào việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ; đóng góp ý kiến với các cơ quan Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách đối với CCB, góp phần bảo vệ thành quả cách mạng và giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Điều 2, Điều lệ Hội CCB Việt Nam, khoá VII chỉ rõ: “ Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ CCB giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên và CCB, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu, tình đồng đội, đồng chí”.

Về chức năng, Điều 3, Điều lệ Hội CCB Việt Nam, khoá VII chỉ rõ: “Hội CCB Việt Nam có chức năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên và CCB. Hội làm tham mưu cho cấp ủy Đảng; làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên, CCB thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng, của Hội; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước”.

c. Nhiệm vụ:

* Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ:

“Động viên cựu chiến binh và công an hưu trí phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” và Công an nhân dân cách mạng trong xây dựng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống. Tăng cường vai trò của hội viên trong giáo dục lòng yêu nước, truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”

* Điều 11, Pháp lệnh CCB chỉ rõ 07 nhiệm vụ của Hội CCB Việt Nam:

1. Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

2. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; kiến nghị với cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến CCB, Hội CCB.

3. Tập hợp, đoàn kết, động viên CCB rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; tập hợp quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tiếp tục phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tham gia tổ chức câu lạc bộ, Ban liên lạc Cựu quân nhân, các phong trào cách mạng ở cơ sở.

4. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ CCB nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức các hoạt động tình nghĩa để CCB tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CCB; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho CCB.

6. Tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

7. Phối hợp với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

* Điều 4, Điều lệ Hội CCB Việt Nam, cụ thể hoá Pháp Lệnh CCB, thành 08 nhiệm vụ:

1. Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ nhân dân; đấu tranh chống mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội; giám

sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo quy định.

2. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; kiến nghị với cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến hội viên, CCB, Hội CCB Việt Nam.

3. Tập hợp, đoàn kết, động viên CCB rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền tập hợp Cựu quân nhân tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, ban liên lạc Cựu quân nhân, nhằm tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, trong tham gia các phong trào, các cuộc vận động của cấp uỷ và chính quyền ở cơ sở.

4. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ hội viên và CCB nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xoá đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức các hoạt động tình nghĩa để hội viên và CCB tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và CCB; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho hội viên và CCB.

6. Phối hợp với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự địa phương cùng cấp giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

7. Tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

8. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện

2. Quá trình xây dựng và hoạt động phát triển

Thực hiện Quyết định số 100 - QĐ/TW ngày 03/02/1990 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Hội CCB Việt Nam và quyết định của các cấp uỷ Đảng, Hội CCB các cấp nhanh chóng được thành lập. Tính đến cuối năm 1992 đã thành lập Hội CCB ở 53/53 tỉnh, thành phố; hàng trăm Hội CCB cấp quận, huyện, thị xã; hàng chục nghìn Hội CCB cấp cơ sở và kết nạp được gần 700.000 hội viên. Năm 1997, thành lập Hội CCB ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước theo Chỉ thị 487-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, toàn Hội có 110 tổ chức trực thuộc Trung ương Hội (Hội CCB 63 tỉnh, thành phố và 47 Hội CCB các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương - khối 487), với hơn 03 triệu hội viên.

Trải qua 35 năm xây dựng và trưởng thành, qua 07 kỳ đại hội, Hội CCB Việt Nam các cấp được các cấp uỷ Đảng từ Trung ương đến địa phương đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị hàng đầu: Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng,

Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và CCB giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, phát huy bản chất “Bộ đội Hồ”, xây dựng và vun đắp truyền thống “Trung thành - Đoàn kết - Gương mẫu - Đổi mới”; giúp đỡ CCB phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và cả nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên và CCB; phối hợp giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh. Hội CCB Việt Nam khẳng định rõ vị thế của một tổ chức chính trị - xã hội, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và niềm tin yêu của nhân dân. Phát biểu tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2022-2027, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: *“Được thành lập vào ngày 06/12/1989, Hội CCB Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Từ khi ra đời đến nay, Hội đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, hoạt động tích cực, đúng hướng và có hiệu quả. Phát huy những thành tựu, thành quả của công cuộc đổi mới, trong nhiệm kỳ 2017 - 2022 vừa qua, Hội CCB Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, hoạt động tích cực, đúng hướng và hiệu quả hơn, xứng đáng với vai trò, vị trí là nòng cốt chính trị, là chỗ dựa tin cậy của Đảng, chính quyền các cấp, là cầu nối vững chắc quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân”*.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ I**

Được tổ chức từ ngày 19 - 20/11/1992, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, có 318 đại biểu tham dự, đại diện cho gần 700.000 hội viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành (BCH) Trung ương lâm thời Hội CCB Việt Nam; thông qua Dự thảo Điều lệ Hội CCB Việt Nam và bầu BCH Trung ương Hội. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được suy tôn làm Chủ tịch danh dự Hội CCB Việt Nam.

Đại hội bầu BCH Trung ương gồm 75 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 19 đồng chí: Thượng tướng Trần Văn Quang, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Thượng tướng Trần Văn Trà; Trung tướng Nguyễn Đôn; Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh; Tổng Thư ký, Thiếu tướng Lê Thanh.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ II**

Được tổ chức từ ngày 17 - 18/12/1997, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, có 432 đại biểu tham dự, đại diện cho 1,35 triệu hội viên. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị của BCH Trung ương Hội khóa I; thông qua Điều lệ Hội CCB Việt Nam được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH Trung ương Hội khóa II. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục được suy tôn là Chủ tịch danh dự Hội CCB Việt Nam.

Đại hội bầu BCH Trung ương Hội khóa II gồm 88 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 17 đồng chí, gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.

Thượng tướng Trần Văn Quang, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Thượng tướng Đào Đình Luyện; Trung tướng Nguyễn Quốc Thước kiêm Tổng Thư ký; Trung tướng Đặng Quân Thụy, kiêm Trưởng ban Kiểm tra.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ III**

Họp từ ngày 26 - 28/12/2002, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, có 417 đại biểu tham dự, đại diện cho hơn 1,7 triệu hội viên. Đại hội đã thông qua Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ (2003-2007); thông qua Điều lệ Hội CCB Việt Nam được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH Trung ương Hội khóa III. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục được suy tôn là Chủ tịch danh dự Hội CCB Việt Nam.

Đại hội bầu BCH Trung ương Hội gồm 94 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 19 đồng chí. Trung tướng Đặng Quân Thụy, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Trung tướng Trần Hanh, kiêm Tổng thư ký; Trung tướng Đỗ Quang Hưng; Thiếu tướng Phạm Hữu Bồng.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ IV**

Họp từ ngày 12 - 14/12/2007, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, có 497 đại biểu tham dự, đại diện cho hơn 2,2 triệu hội viên. Đại hội đã thông qua Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV; thông qua Điều lệ Hội CCB được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH TƯ Hội khóa IV. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục được suy tôn là Chủ tịch danh dự Hội CCB Việt Nam.

Đại hội bầu BCH Trung ương Hội gồm 99 đồng chí, Ban Thường vụ 21 đồng chí. Trung tướng Trần Hanh, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Thiếu tướng Phạm Hữu Bồng; Trung tướng Phùng Khắc Đăng; Trung tướng Lê Thành Tâm; Thiếu tướng Đỗ Văn Mùi.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ V**

Họp từ ngày 18 - 20/12/2012, tại Hội trường Bộ Quốc phòng, Hà Nội. Dự Đại hội, có 510 đại biểu đại diện cho gần 2,7 triệu hội viên. Đại hội thông qua Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ V; thông qua Điều lệ Hội CCB được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH Trung ương Hội khóa V. Đại tướng Võ Nguyên Giáp tiếp tục được suy tôn là Chủ tịch danh dự Hội CCB Việt Nam.

Đại hội đã bầu BCH Trung ương Hội gồm 99 ủy viên; Ban Thường vụ 23 đồng chí. Thượng tướng Nguyễn Văn Đước, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Trung tướng Phùng Khắc Đăng; Trung tướng Nguyễn Song Phi; Trung tướng Nguyễn Văn Đạo; Trung tướng Lê Thành Tâm.

Ngày 04/10/2013, Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đời tại Hà Nội trong niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân và CCB cả nước.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ VI**

Họp từ ngày 13 - 15/12/2017, tại Hội trường Bộ Quốc phòng. Dự Đại hội, có 516 đại biểu đại diện cho gần 03 triệu hội viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ (2017-2022); thông qua Điều lệ Hội CCB được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH Trung ương Hội khóa VI.

Đại hội bầu BCH Trung ương Hội gồm 98 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 22 đồng chí. Thượng tướng Nguyễn Văn Đước, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Trung tướng Nguyễn Song Phi; Trung tướng Nguyễn Văn Đạo; Thiếu tướng Nguyễn Văn Chương.

*** Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB lần thứ VII**

Họp từ ngày 30 - 31/12/2022, tại Hội trường Bộ Quốc phòng. Dự Đại hội có 507 đại biểu đại diện cho hơn 03 triệu hội viên trong cả nước. Đại hội thông qua Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI; phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ (2022-2027); thông qua Điều lệ Hội CCB được bổ sung, sửa đổi và bầu BCH Trung ương Hội khóa VII.

Đại hội bầu BCH Trung ương Hội gồm 94 đồng chí; Ban Thường vụ gồm 22 đồng chí. Thượng tướng Bế Xuân Trường, Chủ tịch; các Phó Chủ tịch: Thượng tướng Phạm Hồng Hương; Trung tướng Khuất Việt Dũng ; Thiếu tướng Nguyễn Minh Hoàng; Đồng chí Lê Văn Kiêm, Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp, Doanh nhân CCB Việt Nam

IV. PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ, TRUYỀN THÔNG VỀ VANG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Phần thưởng cao quý

Qua 35 năm xây dựng và trưởng thành, Hội CCB Việt Nam vinh dự được Nhà nước tặng thưởng 01 Huân chương Hồ Chí Minh (năm 2012); 02 Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2002, năm 2009), 03 Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 2017, năm 2019, năm 2022), 01 Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2005) vì đã có công lao to lớn và nhiều thành tích xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và dân tộc; Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tặng 01 Huân chương Ítxala (Tự do) hạng Nhất. Cùng với đó, hàng trăm tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng; 22 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới; hàng trăm tập thể, hàng nghìn cá nhân đã được Thủ tướng Chính phủ, ban, bộ, ngành, chính quyền các cấp khen thưởng và tặng nhiều danh hiệu cao quý khác.

2. Truyền thống vẻ vang của Hội

Qua 35 năm, xây dựng và phát triển các thế hệ hội viên Hội CCB Việt Nam đã xây dựng nên truyền thống vẻ vang: **TRUNG THÀNH - ĐOÀN KẾT - GUƠNG MẪU - ĐỔI MỚI**. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2022-2027, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đã khẳng định:

“ - Trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với chế độ XHCN và nhân dân đã được hàng triệu CCB tôi luyện, thử thách, khẳng định trong chiến tranh cách mạng; truyền thống đó lại càng được phát huy mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

- Đoàn kết là một truyền thống quý báu của dân tộc, của Đảng và Quân đội ta đã được Hội CCB Việt Nam kế thừa và phát huy. Lấy đường lối, chủ trương, nguyên tắc của Đảng, lợi ích của nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Hội là cơ sở để đoàn kết, thống nhất trong xây dựng và hoạt động. Hội không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết gắn bó trong nội bộ, đoàn kết với nhân dân, đoàn kết quốc tế.

- Gương mẫu là phẩm chất tốt đẹp của người CCB Việt Nam, thể hiện qua năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống, trong mối quan hệ với nhân dân, trong tổ chức, cơ quan, đơn vị mình sống và làm việc; nói đi đôi với làm là phương châm hành động của hàng triệu CCB; nhiều CCB là những tấm gương sáng, mẫu mực, có uy tín, được nhân dân tin tưởng, yêu mến và làm theo.

- Đổi mới với phương châm "Cựu mà không cũ, cựu mà không bảo thủ", các cấp hội, hội viên CCB đã quán triệt, thấm nhuần và thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; nhất là đổi mới về tư duy, tác phong và phương pháp công tác và hoạt động thực tiễn. Nhiều tổ chức hội, hội viên đã nỗ lực nghiên cứu đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động thực tiễn đem lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới”.

3. Những bài học kinh nghiệm

Một là, triệt để tuân thủ nguyên tắc hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Hội CCB các cấp phải luôn bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chức năng, nhiệm vụ chính trị của Hội; thường xuyên coi trọng và tiến hành công tác chính trị, tư tưởng, tập hợp, đoàn kết, động viên CCB tiếp tục giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”.

Hai là, các hoạt động của Hội phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của CCB; tích cực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của CCB, sâu sát cơ sở, gắn bó mật thiết với hội viên. Động viên CCB nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi, vươn lên làm giàu hợp pháp, chủ động, tích cực trong vận động, khai thác các nguồn lực.

Ba là, thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. Trong tổ chức thực hiện phải tạo được sự thống nhất về nhận thức, có chương trình, kế hoạch cụ thể, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, trọng tâm, trọng điểm, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; lựa chọn đúng vấn đề ưu tiên, khâu đột phá; có quyết tâm cao, giải pháp linh hoạt, sáng tạo, huy động được sức mạnh nội lực của tổ chức Hội, hội viên. Chú trọng việc xây dựng và nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến, các mô hình hay, hoạt động sáng tạo, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động.

Bốn là, phối hợp, kết hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, tổ chức đoàn thể, nhân dân trong mọi hoạt động của Hội; được cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành, đoàn thể quan tâm tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ, hiệu quả.

Năm là, chú trọng xây dựng tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nâng cao trình độ, năng lực cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng hoạt động của Hội; gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ./.

Phụ lục 1

DANH MỤC THAM KHẢO

1. Nghị quyết, chỉ thị, quyết định thông báo của Đảng, Nhà nước về Hội CCB Việt Nam

* Thông báo số 173/TB-TW, ngày 18/12/1989 của Ban Bí thư về thành lập Hội CCB Việt Nam.

* Quyết định số 100/QĐ-TW, ngày 3/2/1990 của Ban Bí thư (Khóa VI) cho thành lập Hội CCB Việt Nam và Chỉ định Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Hội CCB Việt Nam, gồm 31 đồng chí, do Thượng tướng Song Hào làm Chủ tịch.

* Thông báo số 246/TB-TW, ngày 23/02/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa VI) về một số vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội CCB Việt Nam.

* Thông báo số 07/TB-TB-TW, ngày 4/11/1991 của Ban Bí thư (Khóa VII) về công tác của Hội CCB Việt Nam.

* Quyết định số 167-NS/TW, ngày 4/1/1992 của Ban Bí thư về việc thành lập Đảng đoàn Trung ương Hội CCB Việt Nam.

* Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 8/1/2002 của Bộ Chính trị, về: “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCB Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới”.

* Kết luận 66-KT/TW của Ban Bí thư (khóa X), ngày 4/3/2010 về: “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác CCB trong giai đoạn cách mạng mới”.

* Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (từ ngày 19 - 22/4/2001).

* Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (từ ngày 18 - 25/4/2006).

* Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, (từ ngày 12 - 19/1/2011).

* Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, (từ ngày 20 - 28/1/2016).

* Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/02/2021.

* Pháp lệnh số 27/2005/PL-UBTVQH11, ngày 7/10/2005, Ủy Ban Thường vụ Quốc hội (Khóa 11).

* Nghị định Số 150/2006/NĐ-CP, ngày 12/12/2006, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra nghị định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB.

* Đề cương truyền truyền kỷ niệm 45 năm Chiến thắng cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam và cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc (tháng 12 năm 2023) của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng

2. Sách về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

* Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Nxb CTQG, H. 1996

* Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), từ Tập I -Tập IX, Nxb CTQG, H. 1996 – 2012

3. Các tài liệu của Hội CCB Việt nam

* Các văn kiện của từ Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ I đến lần thứ VII

* Hội CCB Việt Nam- Biên niên sự kiện (06/12/1989-31/7/2019), Nxb Thanh Niên, H. 2019

Phụ lục 2

TRÍCH PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

1. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ I, ngày 19/12/1992.

“Từ khi thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội CCB Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong cả nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, trở thành một đoàn thể nhân dân trong khối đại đoàn kết toàn dân, một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam...”.

2. Trích điện chúc mừng Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ I, ngày 19/12/1992 của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Cố vấn BCH Trung ương Đảng. “Từ “Cựu” của Hội chúng ta chỉ có nghĩa là “CCB cầm súng đạn”. Nhưng chúng ta vẫn còn đang là “chiến binh” trong hàng ngũ các đoàn thể chính trị, trong Mặt trận Tổ quốc, phải hàng ngày lãnh đạo hô hào toàn dân đoàn kết đấu tranh chống cuộc chiến tranh “diễn biến hòa bình” của đế quốc và bọn phản động, cũng như chống những tệ nạn cửa quyền, tham nhũng, buôn lậu. chúng ta vẫn đang phải vững và giương cao ngọn cờ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ CNXH theo mô hình Việt Nam...”.

3. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ II, ngày 17/12/1997.

“Trước hết, Hội cần tích cực tham gia giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của Hội và các đồng chí có

điều kiện, khả năng để làm tốt nhiệm vụ này. Các cấp Hội và anh chị em CCB phải tích cực, chủ động, kiên quyết đấu tranh chống các luận điệu chống đối, vu cáo, bịa đặt, kích động, xuyên tạc sự thực của bọn phản động, bảo vệ Chủ nghĩa Mác-lênin, và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ cương lĩnh, đường lối tổ chức của Đảng ta; góp sức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, giải quyết tốt mâu thuẫn trong nhân dân, xây dựng tình làng nghĩa xóm; kịp thời ngăn chặn những hành động cực đoan, vô chính phủ, gây rối trật tự công cộng; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn..

4. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ III, ngày 26/12/2002.

“Tôi mong rằng Hội CCB Việt Nam tiếp tục đoàn kết, động viên CCB cả nước và vận động anh chị em CQN phát huy bản chất anh hùng cách mạng trong đấu tranh cứu nước thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong xây dựng hòa bình, phấn đấu xứng đáng với tầm vóc và nhiệm vụ chính trị của Hội, cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội...”.

5. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ IV, ngày 12/12/2007.

“Ở cơ sở, Hội CCB có uy tín, vai trò tích cực trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp với cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như tháo gỡ những khó khăn, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trên các địa bàn...”. Thay mặt BCH Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã tặng Hội CCB Việt Nam Bức trường mang dòng chữ: “CCB phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, Trung thành - Đoàn kết - Gương mẫu - Đổi mới”.

6. Trích Thư chúc mừng Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ IV của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ngày 12/12/2007

“Nhìn lại 18 năm xây dựng, hoạt động và trưởng thành, tôi hoàn toàn nhất trí với Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa III đã khái quát truyền thống của Hội bằng 08 chữ: *Trung thành, đoàn kết, gương mẫu, đổi mới*. Tám chữ ấy đã phản ánh được bản chất, truyền thống, thành tích, kinh nghiệm hoạt động của Hội từ ngày thành lập đến nay và trở thành phương châm hành động của Hội từ nay về sau...”.

7. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ V, ngày 18/12/2012

“Từ khi ra đời đến nay, Hội CCB Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, hoạt động tích cực, đúng hướng và hiệu quả. Trong những năm gần đây, Hội tiếp tục giáo dục, chăm lo, bồi dưỡng cho cán bộ, hội viên kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt và thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ

trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tham gia có hiệu quả vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN và nhân dân.”

8. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ VI, ngày 14/12/2017

... “Hội đã tập hợp, đoàn kết, hướng dẫn hội viên kiên quyết đấu tranh chống các âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch cùng các quan điểm sai trái, phản động; tham gia có hiệu quả vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN và bảo vệ nhân dân. Đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền, mặt trận và các đoàn thể, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động do Trung ương và các địa phương phát động, tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Đóng góp tích cực vào việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, đồng thời cử cán bộ, hội viên tham gia giải quyết những vấn đề bức xúc, phức tạp nảy sinh từ cơ sở; xây dựng tình làng nghĩa xóm, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hàng chục vạn hội viên Hội CCB đã được Đảng và nhân dân tin nhiệm bầu vào cấp ủy, hội đồng nhân dân các cấp, công tác trong hệ thống chính trị và đã phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao...”

9. Trích phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Đại hội thi đua yêu nước lần thứ V và kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Hội CCB Việt Nam (6/12/1989 - 6/12/2014).

“Phong trào đã hướng vào thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của Hội là: đoàn kết, vận động CCB phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ XHCN và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, giúp nhau phát triển kinh tế. Đồng thời, các cán bộ, hội viên đã tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... của cả nước. Các cấp Hội đã đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống kiên cường của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, động viên thanh niên lập thân, lập nghiệp, xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...”

10. Trích phát biểu của Chủ tịch nước Trần Đại Quang tại Đại hội đại biểu Hiệp hội Doanh nhân Hội CCB Việt Nam lần thứ II, ngày 8/8/2018

“Đảng, Nhà nước và nhân dân đánh giá cao hoạt động và những đóng góp tích cực của Hội CCB Việt Nam và Hiệp hội Doanh nhân CCB Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Một số CCB đã trở thành những doanh nhân giỏi, ứng dụng những tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho hàng nghìn người lao động, tích cực tham gia các hoạt động bảo đảm an sinh xã hội, giúp đỡ đồng chí, đồng đội và đồng bào còn gặp khó khăn, được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Đây là những tấm gương tiêu biểu về ý chí, nghị lực của “Bộ đội Cụ Hồ” đã vượt khó, vươn lên trên mặt trận mới - mặt trận chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu.

11. Trích phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, tại Đại hội đại biểu toàn quốc Hội CCB Việt Nam lần thứ VII, ngày 30/12/2022

“Được thành lập vào ngày 06/12/1989, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cho ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Từ khi ra đời đến nay, Hội đã không ngừng lớn mạnh, trưởng thành, hoạt động tích cực, đúng hướng và có hiệu quả. Phát huy những thành tựu, thành quả của công cuộc đổi mới, trong nhiệm kỳ 2017-2022 vừa qua, Hội Cựu chiến binh Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh, hoạt động tích cực, đúng hướng và hiệu quả hơn, xứng đáng với vai trò, vị trí là nòng cốt chính trị, là chỗ dựa tin cậy của Đảng, chính quyền các cấp, là cầu nối vững chắc quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân”./.

BAN TUYÊN GIÁO HỘI CCB VIỆT NAM